**CHỦ ĐỀ 2:**

**VẺ ĐẸP CỦA THƠ CA**

***Môn học:*** *Ngữ Văn/Lớp 10*

***Thời gian thực hiện:*** *15 tiết*

1. **TỔNG QUAN**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 2: **Vẻ đẹp của thơ ca**

- Ôn tập cách đọc hiểu một văn bản thơ trữ tình: biết phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản thơ; nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như: hình ảnh, vần, đối, chủ thể trữ tình...

- Ôn tập về sửa các lỗi về trật tự từ trong bài viết, bài nói.

- Ôn tập cách viết và thực hành viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ.

1. **Kĩ năng**

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| **Đọc hiểu văn bản** | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+*** Văn bản 1,2,3: *Thơ hai-cư* (Chùm thơ hai-cư Nhật Bản)  *+* Văn bản 4: *Cảm xúc mùa thu* (*Thu hứng,* bài 1- Đỗ Phủ*);*  *+* Văn bản 5: *Mùa xuân chín* (Hàn Mặc Tử)  *+* Văn bản 6: *Bản hòa âm trong Tiếng thu* (Lưu Trọng Lư) |
| **Thực hành đọc hiểu:**  Văn bản: *Cánh đồng* (Ngân Hoa) |
| **Thực hành Tiếng Việt:** Sửa lỗi về dùng từ, trật tự từ |
| **Viết** | **Viết:** Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ |
| **Nói và nghe** | **Nói và nghe:** Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ |

1. **Năng lực**
2. **Năng lực chung**

- HS phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….

1. **Năng lực đặc thù**

* HS viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm truyện.
* HS thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

**4. Phẩm chất:**

**-** Trân trọng tình yêu thiên nhiên, yêu con người, lắng nghe tâm sự và trân trọng sự sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**:

- Tham khảo SGV, SGK Ngữ văn 10 KNTTVCS, tập 1.

- Tài liệu ôn tập bài học.

**2. Thiết bị và phương tiện:**

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học.

- Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh.

- Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi

**III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**- Phương pháp**: Thảo luận nhóm, động não, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

**- Kĩ thuật**: Sơ đồ tư duy, phòng tranh, chia nhóm, đặt câu hỏi, khăn trải bàn,...

**IV. NỘI DUNG BÀI HỌC**

1. Kiến thức chung về thơ ca
2. Đọc hiểu *Chùm thơ hai-cư* - Nhật Bản và đọc mở rộng kết nối viết
3. Đọc hiểu văn bản *Thu hứng –* Bài 1 (Đỗ Phủ) và đọc mở rộng kết nối viết
4. Đọc hiểu văn bản *Mùa xuân chín* (Hàn Mặc Tử) và đọc mở rộng kết nối viết
5. Đọc hiểu văn bản *Bản hoà âm ngôn từ trong Tiếng thu của Lưu Trọng Lư* (Chu Văn Sơn) và đọc mở rộng kết nối viết
6. Thực hành Tiếng Việt: Lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa
7. Viết: Ôn tập cách viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ
8. Luyện đề tổng hợp
9. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ**

**Phạm Thị Hồng Nhung-lê quý đôn thái bình 0905776101**

**Tiết 16:**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: CHÙM THƠ HAI-CƯ NHẬT BẢN VÀ ĐỌC MỞ RỘNG KẾT NỐI**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. KIẾN THỨC CHUNG VỀ THƠ HAI-CƯ**

**1.1 Nghệ thuật**

- Ngắn gọn, hàm súc, kiệm lời mà vẫn gợi nhiều cảm xúc và suy tưởng.

- Hình ảnh thơ trong sáng, nhẹ nhàng đậm ý nghĩa tượng trưng sâu sắc.

**1.2. Nội dung – Ý nghĩa**

- Phản ánh tâm hồn người Nhật – tâm hồn ưa thích hòa nhập với thiên nhiên.

- Những rung cảm, suy ngẫm của con người trước một phong cảnh, một vài sự vật cụ thể, một tứ thơ.

- Mang lại nhiều suy tư sâu sắc, những triết lí nhân văn và những cảm nhận thú vị trong lòng người đọc.

Nội dung 3 bài thơ:

**Bài 1:** Ghi lại một phong cảnh với vài sự vật cụ thể trong một thời điểm nhất định.

**Bài 2:** Biểu hiện những rung cảm của con người trước thiên nhiên.

**Bài 3:** Nói lên mối tương quan giữa vạn vật trong thế giới lặng (sabi), đơn sơ (wabi), u huyền, mềm mại, nhẹ nhàng (karumi)…

**1.3. Vẻ đẹp độc đáo của thơ hai-cư:**

- Một phong cảnh, một vài sự vật cụ thể thể hiện một tứ thơ, một xúc cảm, suy tư của người viết.

- Thời điểm xác định theo mùa: quý ngữ (ki-go) – từ chỉ mùa bắt buộc trong mỗi bài thơ.

- Thủ pháp tượng trưng:

+ Thể hiện một khoảnh khắc của cảnh vật và đỉnh điểm cảm xúc (hàm súc gợi mà không tả)

+ Thiên nhiên và triết lí về thiên nhiên: Tìm cái đẹp trong những hình ảnh giản dị, bình thường của thiên nhiên.

+ Thấm đẫm tinh thần thiền tông Phật giáo và tinh thần văn hóa phương Đông- cách nhìn nhất thể hóa: Trời – đất, con người vạn vật … là một quan hệ khăng khít.

- Ngôn ngữ: dùng ít các tính từ, trạng từ cụ thể hóa sự vật, hạn chế tưởng tượng của người đọc. Dùng nhiều danh, động từ gợi tưởng tượng, suy ngẫm. Mơ hồ là đặc điểm quan trọng của ngôn ngữ.

- Cảm thức thẩm mĩ: có những nét thẩm mĩ riêng, rất cao và tinh tế. Hai-cư đề cao cái vắng lặng đơn sơ, u huyền, nhẹ nhàng. Thơ hai-cư luôn phản chiếu sự vật trong mối tương quan, giao hòa.

**2. KIẾN THỨC CƠ BẢN TỪNG BÀI THƠ HAI-CƯ**

**Bài 1:**

- Bài thơ đơn sơ tột độ mà sâu thẳm tột cùng. Một buổi chiều mùa thu xám tối, âm u “đậu” trên cành khô hiu hắt, dường như bất động nhưng nó đang chuyển động cả vũ trụ, cả sự mênh mông cô tịch của hoàng hôn.

- Toàn thể hình ảnh là sự cô tịch. Cành cây, con quạ, chiều thu là sự cô tịch trong tâm hồn như lắng nghe niềm im lặng bất tuyệt của chân không.

**Bài 2:**

Bài thơ đẹp bởi cách tạo hình ảnh vừa tương phản lại vừa tương hợp giữa dãy “hoa triêu nhan” và “dây gầu”, còn đẹp hơn bởi cách tạo yếu tố bất ngờ trùng điệp tăng cấp qua cả ba câu thơ bé nhỏ. Bài thơ còn sâu sắc ở chỗ đã gửi gắm kín đáo dưới chữ nghĩa ít ỏi kia một nét đẹp lấp lánh của tâm hồn Nhật Bản. Đó là sự tinh tế và nhạy cảm trước cái Đẹp của cuộc sống và hơn thế nữa là thái độ và nghĩa cử biết nâng niu ,trân trọng gìn giữ cái đẹp trong đời .

**Bài 3:**

Khi nhắc đến con ốc và núi Fu-ji, người ta thường nghĩ đến sự đối lập, tương phản của các sự vật. Con ốc tượng trưng cho sự sống nhỏ bé, yếu ớt, chậm chạp, sự hữu hạn của thời gian sống. Còn núi Fu-Ji lại là hình ảnh lớn lao, hùng vĩ và bền vững muôn đời. Điều gì ẩn sau hành trình của chú ốc sên trên núi Fu-ji kia? Điều gì thổi sức sống cho những từ ngữ đơn giản kia? Thơ hai-cư có không ít những bài thơ thể hiện được mối tương quan đặc biệt giữa các cảnh vật. Trong bài thơ của Ít-sa con ốc bé nhỏ, chậm chạp so với ngọn núi sừng sững uy nghi, nhưng sự chuyển động dù chẳng đáng kể ấy của con ốc lại khiến nó mỗi ngày đi gần hơn đến đỉnh núi kia. Như vậy, trong bài thơ trên, những sự vật nhỏ nhất cũng có mối tương quan, tác động tới những yếu tố mang tầm vũ trụ và vĩnh cửu. Các sự vật không tồn tại độc lập mà luôn có mối tương quan, giao hòa, tác động lẫn nhau. Đó là quy luật của cuộc sống.

**II. LUYỆN ĐỀ**

**DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:**Thơ hai-cư là thể thơ gì?

A. 4 câu, 28 âm tiết

B. 3 câu, 17 âm tiết

C. 4 câu, 20 âm tiết

D. 2 câu, 14 âm tiết

**Câu 2:**Thơ hai-cư thường được so sánh với điều gì?

A. Một bức tranh thủy mặc

B. Một đóa hoa anh đào

C. Một bộ trang phục Ki-mô-nô

D. Một ngôi đền cổ

**Câu 3:**Quý ngữ là gì?

A. Từ chỉ thời gian.

B. Từ chỉ không gian.

C. Từ chỉ mùa.

D. Cả A, B và C đều đúng.

**Câu 4: Nhận định nào sau đây không đúng về thơ hai-cư?**

A. Thơ hai-cư thường chỉ chấm phá, có khả năng khơi gợi mạnh mẽ sức liên tưởng, tưởng tượng của người đọc.

B. Thơ hai-cư là một thể thơ hiện đại của Nhật Bản.

C. Mỗi bài thơ hai-cư thường chỉ có 17 âm tiết, được ngắt ra làm 3 đoạn theo thứ tự thường là 5 - 7 - 5 âm tiết.

D. Trong mỗi bài thơ hai-cư bắt buộc phải có "quý ngữ" - từ chỉ mùa.

**Câu 5: Phương án nào sau đây thể hiện đúng đặc điểm của thể thơ hai-cư?**

A. Thơ Hai-cư thấm đẫm tinh thần Nho giáo.

B. Thơ hai-cư đề cao cái Vắng lặng, Đơn sơ, U huyền.

C. Thơ Hai-cư ngắn gọn, dễ sáng tác.

D. Thơ Hai-cư là sự pha trộn giữa tinh thần văn hóa phương Đông và phương Tây.

**DẠNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

\*GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản: *“Chùm thơ hai-cư”* Nhật Bản và các đoạn ngữ liệu về thơ hai-cư ngoài SGK:

**Đề số 01:**  **Đọc các văn bản sau và thực hiện yêu cầu:**

*Trên cành khô*

*Cánh quạ đậu*

*Chiều thu.*

(Ba-sô-Basho, Nhật Chiêu dịch, *Ba nghìn thế giới thơm*, NXB Văn học, Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr.23)

*Ôi hoa triêu nhan!*

*Dây gàu vương hoa bên giếng*

*Đành xin nước nhà bên.*

(Chi-ô-Chiyo, Nhật Chiêu dịch, *Ba-sô và thơ hai-cư*, NXB Văn học, Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr.324)

*Chậm rì, chậm rì*

*Kìa con ốc nhỏ*

*Trèo núi Fuji.*

(Ít-sa-Issa, Nhật Chiêu dịch, *Ba nghìn thế giới thơm*, NXB Văn học, Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr.385)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của các văn bản trên.

**Câu 2.** Chỉ ra hình ảnh trung tâm trong mỗi bài thơ.

**Câu 3.** Xác định cảm xúc hoặc dòng suy tư của nhân vật trữ tình trong mỗi bài thơ.

**Câu 4.** Nhận xét về hình thức nghệ thuật được thể hiện trong các bài thơ.

**Câu 5.** Qua những bài thơ hai-cư đã học, em hiểu gì về tâm hồn Nhật Bản?

**Câu 6.** Viết đoạn văn ngắn (7 - 10 dòng) bày tỏ suy nghĩ về việc lắng nghe cuộc sống quanh mình.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

**Câu 2:**

- Bài 1: Con quạ

- Bài 2: Hoa triêu nhan

- Bài 3: Con ốc nhỏ - núi Phú Sĩ

**Câu 3:**

**- Bài 1:** Nỗi buồn mênh mông xa vắng

**- Bài 2:** Sự rung cảm tinh tế, trân trọng, nâng niu của con người dành cho thiên nhiên

**- Bài 3:** Suy tư về mối tương quan giữa vạn vật với nhau.

**Câu 4:**

- Ngắn gọn, hàm súc, kiệm lời mà vẫn gợi nhiều cảm xúc và suy tưởng.

- Hình ảnh thơ trong sáng, nhẹ nhàng đậm ý nghĩa tượng trưng sâu sắc.

**Câu 5:** Tâm hồn Nhật Bản:

- Ưa thích hòa nhập với thiên nhiên.

- Rung cảm tinh tế với nhiều suy tư, những triết lí nhân văn sâu sắc.

**Câu 6. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy;

-  **Nội dung:**

+Lắng nghe: là việc mỗi người nhẫn nại, chân thành nghe người khác tâm sự, chia sẻ về những câu chuyện của họ, từ đó đồng cảm, thấu hiểu nhau và có thể rút ra được bài học cho chính bản thân mình.

+ Luôn sẵn sàng lắng nghe, tiếp thu, lĩnh hội ý kiến từ người khác để rút ra bài học cho bản thân mình.

+ Luôn biết lắng nghe những câu chuyện, những niềm vui nỗi buồn của người khác và an ủi, san sẻ với họ.

+Từ những câu chuyện, những lĩnh hội trên ta đúc rút được bài học cho bản thân mình, nhận ra những điều bản thân chưa biết cũng như hoàn thiện hơn những điều đã biết.

+ Người biết lắng nghe là những người có lòng kiên trì, nhẫn nại, biết gạt bỏ cái tôi để tiếp thu, lĩnh hội, những người này sẽ có thêm nhiều bài học quý giá.

+ Lắng nghe sẽ khiến con người thấu hiểu nhau hơn, khi mọi người thấu hiểu sẽ bao dung cho nhau, cùng nhau phát triển kiến thức cũng như giúp mối quan hệ thêm bền chặt, tốt đẹp hơn.

+ Có những điều bổ ích, thú vị mà chỉ khi ta lắng nghe ta mới có thể biết được, hiểu được nó. Khi không chịu lắng nghe cũng là lúc ta không chịu tiếp thu, bảo thủ với ý kiến của mình và sẽ không tiến bộ được.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU NGOÀI SGK**

**Đề số 02:**  **Đọc các văn bản sau và thực hiện yêu cầu:**

*1/Đất khách mười mùa sương*

*Về thăm quê ngoảnh lại*

*Ê đô là cố hương*

*2/Chim đỗ quyên hót*

*ở Kinh đô*

*mà nhớ Kinh đô.*

*3/Lệ trào nóng hổi*

*tan trên tay tóc mẹ*

*làn sương thu.*

*(Thơ Hai cư của Ba Sô*, Tr156, SGK Ngữ văn 10, Tập I, NXBGD 2006)

**Câu 1.** Xác định Quý ngữ (từ chỉ mùa) trong 3 bài thơ trên ?

**Câu 2.** Tình cảm gắn bó thiêng liêng của nhà thơ với những nơi mình đã sống thể hiện qua bài thơ 1 và 2 như thế nào ?

**Câu 3.** Tại sao tác giả ở Kinh đô lại nhớ Kinh đô?

**Câu 4.**  Bài thơ thứ 3 cho thấy tính cách Ba –sô như thế nào trong vai trò một người con?

**Câu 5.** Tứ thơ trong mỗi bài hai-cư ở trên được gợi lên như thế nào?

**Câu 6.** Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về lòng hiếu thảo trong cuộc sống hôm nay.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1.** Quý ngữ (từ chỉ mùa) trong 3 bài thơ trên:

- Bài 1: *mùa sương*(mùa thu)

- Bài 2: *chim đỗ quyên*(mùa hè)

- Bài 3: *sương thu*(mùa thu)  
**Câu 2.** Tình cảm gắn bó thiêng liêng của nhà thơ với những nơi mình đã sống thể hiện qua bài thơ 1 và 2:

- Bài 1: Cho thấy tình cảm gắn bó của Ba-sô với cả hai miền đất, một bên là nơi chôn nhau cắt rốn, một bên là Ê-đô, nơi ông đã sống mười năm trời. Nhớ quê, về thăm quê, Ba sô lại nhớ Ê đô, thấy Ê đô cũng trở thành *cố hương* thân thiết của mình ;

- Bài 2: Thời trẻ, Ba- sô ở Kinh đô Ki- ô -tô, sau này ông lên Ê- đô, cũng là Kinh đô (Tô-ki-ô). Khi trở lại kinh đô cũ, nghe tiếng đỗ quyên hót, Ba -sô chạnh lòng nhớ đến Ê đô. Đây cũng là tình cảm gắn bó với cả hai miền đất, cho dù đó không phải là nơi ông được sinh ra.

**Câu 3.** Tác giả ở Kinh đô lại nhớ Kinh đô: Từ ngữ gợi địa danh nhưng thực chất mang ý niệm thời gian, ở Kinh đô nay nhưng lại nhớ hình ảnh của Kinh đô xa xưa

**Câu 4.** Bài thơ thứ 3 cho thấy tính cách Ba –sô trong vai trò một người con: Ông là người con có hiếu. Điều này thể hiện rất rõ trong niềm tiếc thương vô hạn của thi nhân với người mẹ đã quá cố của mình. Cầm trên tay di vật của mẹ mà *lệ trào nóng hổi*

**Câu 5.** Tứ thơ trong mỗi bài hai-cư ở trên được gợi lên bởi:

- Bài 1: Một chuyến thăm quê

- Bài 2: Tiếng chim đỗ quyên gợi nhớ kinh đô xưa

- Bài 3: Giọt nước mắt khóc mẹ

**Câu 6.** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

- Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

- Nội dung: Từ  tấm lòng hiếu thảo của Ba-sô, HS bày tỏ suy nghĩ chân thành về lòng hiếu thảo trong cuộc sống hôm nay:

+ Lòng hiếu thảo là gì ?

+ Ý nghĩa của lòng hiếu thảo ?

+ Phê phán những đứa con bất hiếu.

+ Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân.

**DẠNG 3: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Đề bài: Phân tích** **vẻ đẹp một bài thơ hai- cư mà em yêu thích**

**Gợi ý dàn ý**

**1. Mở bài:**

**-** Giới thiệu về thơ hai-cư

- Giới thiệu về bài thơ yêu thích

**2. Thân bài:**

**2.1. Khái quát vẻ đẹp thơ hai-cư**

- Một phong cảnh, một vài sự vật cụ thể thể hiện một tứ thơ, một xúc cảm, suy tư của người viết.

- Thời điểm xác định theo mùa: quý ngữ (ki-go) – từ chỉ mùa bắt buộc trong mỗi bài thơ.

- Thủ pháp tượng trưng:

+ Thể hiện một khoảnh khắc của cảnh vật và đỉnh điểm cảm xúc (hàm súc gợi mà không tả)

+ Thiên nhiên và triết lí về thiên nhiên: Tìm cái đẹp trong những hình ảnh giản dị, bình thường của thiên nhiên.

+ Thấm đẫm tinh thần thiền tông Phật giáo và tinh thần văn hóa phương Đông- cách nhìn nhất thể hóa: Trời – đất, con người vạn vật … là một quan hệ khăng khít.

- Ngôn ngữ: dùng ít các tính từ, trạng từ cụ thể hóa sự vật, hạn chế tưởng tượng của người đọc. Dùng nhiều danh, động từ gợi tưởng tượng, suy ngẫm. Mơ hồ là đặc điểm quan trọng của ngôn ngữ.

- Cảm thức thẩm mĩ: có những nét thẩm mĩ riêng, rất cao và tinh tế. Haiku đề cao cái vắng

**2.2. Phân tích vẻ đẹp độc đáo của một bài thơ hai-cư:**

*Ôi hoa triêu nhan!*

*Dây gàu vương hoa bên giếng*

*Đành xin nước nhà bên.*

Bài thơ đẹp bởi cách tạo hình ảnh vừa tương phản lại vừa tương hợp giữa dãy “hoa triêu nhan” và “dây gàu”, còn đẹp hơn bởi cách tạo yếu tố bất ngờ trùng điệp tăng cấp qua cả ba câu thơ bé nhỏ. Bài thơ còn sâu sắc ở chỗ đã gửi gắm kín đáo dưới chữ nghĩa ít ỏi kia một nét đẹp lấp lánh của tâm hồn Nhật Bản. Đó là sự tinh tế và nhạy cảm trước cái Đẹp của cuộc sống và hơn thế nữa là thái độ và nghĩa cử biết nâng niu ,trân trong gìn giữ cái đẹp trong đời .

|  |
| --- |
| **2.2.1. Thời gian**  “Triêu nhan” là loài hoa mang nhan sắc **ban mai** bởi hoa chỉ nở vào **buổi sáng sớm**, rạng ngời đón lấy những tia nắng tinh khôi và dưới ánh chiều dần phai tàn. |
| **2.2.2. Không gian**  Giếng nước nhỏ hẹp, gần gũi, đơn sơ |
| **2.2.3. Hình ảnh thơ trung tâm**  **“Hoa triêu nhan”**- loài hoa phổ biến ở Nhật Bản được người Nhật ưu ái gọi bằng nhiều cái tên gợi cảm: “kim tuyến của ban mai”, “trăng lúc chiều tà”, “cô gái đậu tía”,…nhỏ bé, lặng thầm mà đầy sức sống, lay động lòng người. |
| **2.2.4. Hành động và xúc cảm của thi nhân**  Chính vẻ đẹp của bông “hoa triêu nhan” đang hé nở làm cho nữ sĩ phải ngước nhìn và trân trọng nó. “Hoa triêu nhan” sáng nở chiều tàn, nhưng khoảnh khắc mà bông hoa dần hé lộ vẻ đẹp là khoảnh khắc đẹp nhất của đời hoa. Nhà thơ không muốn phá tan cái đẹp của tự nhiên đành **“xin nước nhà bên”** để “hoa triêu nhan” tiếp tục nở, mang hương sắc cho đời.  Trong tinh thần của Thiên Thai  tông, không chỉ loài người hữu tình mà ngay cả loài cây cỏ cũng có khả năng giác ngộ, tức là có Phật tánh. Bài thơ trên có thể được xem như một tuyên ngôn hùng hồn của lòng từ bi Phật giáo và phảng phất triết lý của tông Thiên Thai. Nhà thơ nhìn thấy sự sống, nhìn thấy cái đẹp, nhìn thấy Phật tánh trong đóa “triêu nhan” nhỏ nhoi nhưng bền bỉ. “Hoa triêu nhan” vốn là một loại dây leo, đã quấn vào dây gàu để nở. Trước cái đẹp, trước sự sống, nhà thơ **nâng niu, trân trọng**, không nỡ làm tổn thương nên bà chọn giải pháp **“xin nước nhà bên”**, để sự sống và cái đẹp được hiện hữu. Một người lỗ mãng sẽ dễ dàng bứt nhánh “triêu nhan” để thuận lợi cho công việc múc nước của mình.  Thực tại được mô tả như nó chính là, không giải thích nhưng tự thân sự kiện đã nói nhiều hơn ba câu thơ ngắn ngủi. Đây chính là tinh thần ý tại ngôn ngoại, lại cũng chính là sự vô ngôn của Thiền và là tính nhân văn của Phật giáo. Cần phải có một nội tâm tĩnh lặng, một tính cách dịu dàng và hơn cả là một tình thương lớn, một tấm lòng trắc ẩn lớn mới có cách hành xử như vậy. Một đóa “triêu nhan” mỏng manh làm tỏa sáng một tình thương mênh mông và cảm động. |
| **2.2.5. Nhận xét vẻ đẹp bài thơ**  Một buổi sáng, Chiyo định thả gầu lấy nước giếng. Nhưng quanh dây gầu đang vướng một bông hoa xinh, đó là hoa Asagao -một loại hoa đồng cỏ nội rất đỗi bình thường, một thứ dây leo. Tên nó có nghĩa là "gương mặt của sớm mai" (asagao = triêu nhan). Không nỡ động chạm đến hoa, nhà thơ đành xin nhờ nước giếng hàng xóm. Và kinh nghiệm bình thường mà kì diệu ấy được ghi lại qua một hình thức thơ ngắn gọn – hai-ku (ba câu 5-7-5 âm tiết) …Người và hoa gặp nhau trong buổi sáng. Không nói năng chi - nhưng khoảnh khắc ấy đã đánh thức thi ca. Vũ trụ như hóa thành một bông hoa “triêu nhan”. Và người đi lấy nước cho dù không làm bài thơ trên, chỉ lẳng lặng đi “xin nước nhà bên” để khoảnh khắc kia được vẹn toàn, người ấy vẫn bước vào Diệu Xứ của Thơ Ca, của Hoa. Thơ hai-ku thường nắm bắt được khoảnh khắc ấy, cái khoảnh khắc mà thế giới hiện ra mới mẻ tinh khôi như hoa bìm bìm trong buổi sớm mai. "Để em nghe lời tôi nói", nhà thơ Chilê Pablo Neruda viết "lời lẽ tôi đôi khi thu nhỏ lại"" để có thể đi sâu vào tâm hồn người, hai-ku cũng thế, nó thu mình nhỏ lại. Về sự vắn tắt của hai-ku, nhà phê bình nổi tiếng của Pháp Roland Barthes có ý kiến như sau: "sự ngắn gọn của hai-ku không phải là vấn đề hình thức, hai-ku không phải là một tư tưởng phong phú rút vào một hình thức ngắn, mà là một sự tình vắn tắt đã tìm ra được hình thức vừa vặn của mình". Bởi vì hai-ku không cốt nói nhiều, nó im lặng hơn là nói. Nó trống chứ không đầy, nó nhỏ nhắn nhưng không bao giờ chật cứng. Hai-ku chỉ ra sự vật như hoa bìm bìm, hạt cát, bầy ruồi... và rồi dừng lại chứ không giải thích, không miêu tả. Nó chỉ ra sự vật như đứa trẻ chỉ vào sự vật quanh mình, nói từng tiếng một hoặc reo lên. Đến với hai-ku, ta thấy nó thơ ngây một cách hiền minh và hiền minh một cách ngây thơ. Có những bức tranh hoành tráng làm cho bạn bàng hoàng nhưng cũng có những tiểu họa làm cho bạn ngạc nhiên. Khi nhà thơ hai-ku chọn đề tài, họ không bao giờ từ chối những sự vật nhỏ bé, bình thường mộc mạc. Thơ của Chiyo là một minh chứng. |

**2.2.5. Đánh giá:**

**- Nghệ thuật**

+ Ngắn gọn, hàm súc, kiệm lời mà vẫn gợi nhiều cảm xúc và suy tưởng.

+ Hình ảnh thơ trong sáng, nhẹ nhàng đậm ý nghĩa tượng trưng sâu sắc.

**- Nội dung – Ý nghĩa**

+ Phản ánh tâm hồn người Nhật – tâm hồn ưa thích hòa nhập với thiên nhiên.

+ Những rung cảm, suy ngẫm của con người trước một phong cảnh, một vài sự vật cụ thể, một tứ thơ.

+ Mang lại nhiều suy tư sâu sắc, những triết lí nhân văn và những cảm nhận thú vị trong lòng người đọc.

**2.2.6. Liên hệ, mở rộng**: So sánh với một số bài hai-cư khác để thấy vẻ đẹp độc đáo riêng của bài thơ.

**3. Kết bài:**

- Khẳng định lại giá trị của bài thơ

- Bày tỏ suy nghĩ bản thân

**III. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY:**

- Về nội dung:....................................................................................................................

- Về phương pháp:.............................................................................................................

- Về thời gian:....................................................................................................................

- Về HS:............................................................................................................................

*Lang Chánh, ngày tháng năm 2022*

**TTCM THÔNG QUA**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phạm Thị Nghị**

**NGƯỜI SOẠN BÀI**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Đinh Thị Linh**

**DUYỆT CỦA BGH**

(Ký tên và đóng dấu)

**Tiết 17:**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: THU HỨNG (BÀI 1) - ĐỖ PHỦ**

**VÀ ĐỌC MỞ RỘNG KẾT NỐI VIẾT**

**1. Tác giả Đỗ Phủ**

- Đỗ Phủ (712- 770), tự là Tử Mĩ, xuất thân trong một gia đình có truyền thống Nho học và thơ ca lâu đời ở huyện Củng- tỉnh Hà Nam (Trung Quốc).

- Con người và cuộc đời:

+ 7 tuổi làm thơ→ tài năng thiên bẩm.

+ Con đường công danh lận đận, không được trọng dụng.

+ Sống nghèo khổ, chết trong bệnh tật.

- Sự nghiệp thơ ca: hiện còn khoảng 1500 bài.

+ Nội dung:

* Phản ánh sinh động và chân xác bức tranh hiện thực xã hội đương thời → “thi sử”.
* Đồng cảm với nhân dân trong khổ nạn, chan chứa tình yêu nước và tư tưởng nhân đạo.

+ Nghệ thuật:

* Giọng thơ: trầm uất, nghẹn ngào.
* Đặc biệt thành công với thể luật thi.

→ Được mệnh danh là “thi thánh” (thánh thơ).

**2. Bài thơ Cảm xúc mùa thu (Thu hứng – bài 1)**

**a. Hoàn cảnh sáng tác**:

- Bài thơ được sáng tác vào năm 766, tại Quỳ Châu (thuộc đất Ba Thục, núi non hiểm trở).

- Nhà thơ cùng gia đình phải chạy loạn An Lộc Sơn, phải sống xa quê nhà.

**b. Xuất xứ**

+ Là tác phẩm mở đầu trong chùm thơ *Thu hứng* (8 bài).

+ Là cương lĩnh sáng tác của cả chùm thơ.

**c. Thể loại:** Thơ Đường luật, làm theo thể Thất ngôn bát cú.

**d. Bố cục**

- Phần 1 (4 câu đầu): Cảnh mùa thu

- Phần 2 (4 câu còn lại): Tình thu

**e. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật**

**\*Giá trị nội dung:**

- Bài thơ vẽ nên bức tranh mùa thu hiu hắt, mang đặc trưng của núi rừng, sông nước Quỳ Châu.

- Đồng thời, bài thơ còn là bức tranh tâm trạng buồn lo của nhà thơ trong cảnh loạn li: nỗi lo cho đất nước, nỗi buồn nhớ quê hương và nỗi ngậm ngùi, xót xa cho thân phận mình.

**\*Giá trị nghệ thuật:**

- Tứ thơ trầm lắng, u uất

- Nghệ thuật đối rất chỉnh, bút pháp tả cảnh ngụ tình

- Ngôn ngữ hàm súc, nhiều tầng ý nghĩa.

**II. LUYỆN ĐỀ**

**DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:**Bài thơ được ông làm khi nào?

A. Năm 760

B. Năm 764

**C. Năm 766**

D. Năm 769

**Câu 2:**Dòng nào sau đây không nói về Đỗ Phủ?

A. Ông sống trong nghèo khổ, chết trong bệnh tật.

B. Là nhà thơ hiện thực vĩ đại Trung Quốc.

**C. Được người Trung Quốc gọi là “thi tiên”.**

D. Giọng thơ trầm uất nghẹn ngào.

**Câu 3:**Nội dung biểu đạt của hai câu thơ mở đầu là gì?

A. Cảnh chiều thu trong sáng, êm đềm.

B. Cảnh chiều thu tĩnh lặng, thanh bình.

C. Cảnh chiều thu hùng vĩ, khoáng đạt.

**D. Cảnh chiều thu buồn bã, ảm đạm.**

**Câu 4:**Hình ảnh ***cô chu*** (con thuyền lẻ loi) **không** gợi đến điều gì?

A. Cuộc đời lênh đênh, phiêu bạt của nhà thơ.

B. Ước vọng được trở về quê hương của tác giả.

C. Tâm trạng lẻ loi, cô đơn của tác giả.

**D. Khát vọng lên đường, du ngoạn khắp nơi của tác giả.**

**Câu 5:**Chon đáp án đúng nhất**:** Bài thơ ***Thu hứng*** gợi cho ta điều gì về tâm hồn nhà thơ Đỗ Phủ?

A. Tình yêu thiên nhiên.

B. Nỗi buồn về thời thế.

**C. Nỗi buồn về thời thế và tình yêu quê hương sâu sắc.**

D. Tình yêu quê hương.

**Câu 7:**Bốn câu đầu và bốn câu sau trong bài ***Thu hứng*** có quan hệ với nhau như thế nào?

**A. Bốn câu đầu tả cảnh thu, bốn câu sau tả tình thu.**

B. Bốn câu đầu tả cảnh trên cao, bốn câu sau tả cảnh dưới thấp.

C. Bốn câu đầu tả xa, bốn câu sau tả gần.

D. Bốn câu đầu tả cảnh, bốn câu sau tả người.

**Câu 8:**Cảm xúc tác giả trong hai câu luận của bài ***Thu hứng*** chủ yếu được gợi lên bởi điều gì?

A. Nỗi buồn vì chiến tranh loạn lạc.

B. Không thể trở về quê hương.

C. Sự nghèo khó.

**D. Cuộc sống xa quê trong hoàn cảnh chiến tranh loạn lạc.**

**Câu 9:**Nghệ thuật nào được sử dụng trong hai câu kết?

A. Ước lệ tượng trưng

**B. Tả cảnh ngụ tình**

C. Ẩn dụ

D. So sánh

**Câu 10:**Nhà thơ Đỗ Phủ được mệnh danh là gì?

A. Thi tuyệt

B. Thi tiên

C. Thi thần

D. Thi thánh

**DẠNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

\*GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản: *“Cảm xúc mùa thu” – Đỗ Phủ và các đoạn ngữ liệu về thơ Đường luật ngoài SGK:*

**Đề số 01:**  **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Đỗ Phủ (712-770) tự là Tử Mĩ, quê huyện Củng, tỉnh Hà Nam, xuất thân trong một gia đình có truyền thống Nho học và thơ ca lâu đời. Ông sống trong nghèo khổ, chết trong bệnh tật.*

*Đỗ Phủ là nhà thơ hiện thực vĩ đại của Trung Quốc, là doanh nhân văn hóa thế giới.Thơ Đỗ Phủ hiện còn khoảng 1500 bài, có nội dung rất phong phú và sâu sắc. Đó là những bức tranh hiện thực sinh động và chân xác đến mức được gọi là “thi sử” (lịch sử bằng thơ) ; đó cũng là niềm đồng cảm với nhân dân trong khổ nạn, chứa chan tình yêu nước và tinh thần nhân đạo. Giọng thơ Đỗ Phủ trầm uất, nghẹn ngào. Ông sành tất cả các thể thơ nhưng đặc biệt thành công ở thể luật thi. Với nhân cách cao thượng, tài năng nghệ thuật trác việt, Đỗ Phủ được người Trung Quốc gọi là "Thi thánh".*

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2.** Thông tin “*Ông sống trong nghèo khổ, chết trong bệnh tật”* cho em hiểu điều gì về cuộc đời nhà thơ Đỗ Phủ?

**Câu 3.** Nêu nội dung chính của văn bản trên.

**Câu 4.** Chỉ ra lỗi sai và nêu cách sửa cho đúng trong các câu sau: “*Đỗ Phủ là nhà thơ hiện thực vĩ đại của Trung Quốc, là doanh nhân văn hóa thế giới. Thơ Đỗ Phủ hiện còn khoảng 1500 bài, có nội dung phong phú và sâu sắc*.”

**Câu 5.** Em hiểu thế nào là “Thi thánh”?Vì sao Đỗ Phủ lại được người Trung Quốc gọi là "Thi thánh"?

**Câu 6.** Viết đoạn văn ngắn (7 - 10 dòng) bày tỏ suy nghĩ về tình yêu nước của tuổi trẻ hôm nay.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Thuyết minh.

**Câu 2:** Thông tin “*Ông sống trong nghèo khổ, chết trong bệnh tật”* cho em thấy đồng cảm về cuộc đời bất hạnh của nhà thơ vĩ đại Đỗ Phủ. Ông là nhà thơ có tấm lòng nhân đạo cao cả nhưng cả cuộc đời phải chịu nhiều khổ đau, mất mát, thiếu thốn.

**Câu 3:**

Nêu nội dung chính của văn bản: Khái quát tiểu sử và sự nghiệp sáng tác của nhà thơ Đỗ Phủ.

**Câu 4:**

* Lỗi sai: Dùng từ chưa đúng nghĩa “*doanh nhân*”
* Sửa lại: *danh nhân* (chỉ những người nổi tiếng trên thế giới, những nhân vật có đóng góp xuất sắc không chỉ cho sự nghiệp phát triển văn hoá của một dân tộc mà còn của cả nhân loại)

**Câu 5:**

* “Thi thánh”: Người lỗi lạc nhất trong làng thơ.
* Đỗ Phủ được người Trung Quốc gọi là "Thi thánh" bởi nhân cách cao thượng, tài năng nghệ thuật trác việt của nhà thơ.

**Câu 6. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy;

-  **Nội dung:** HS bày tỏ được suy nghĩ về lòng yêu nước của tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay. Cụ thể: Lòng yêu nước là gì? Ý nghĩa của lòng yêu nước? Phê phán thái độ thờ ơ với đất nước của một bộ phận giới trẻ. Rút ra bài học nhận thức và hành động dành cho tuổi trẻ.

**Đề số 02:**  **Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

*Lác đác rừng phong(1) hạt móc sa,*

*Ngàn non hiu hắt, khí thu lòa.*

*Lưng trời sóng rợn lòng sông thẳm,*

*Mặt đất mây đùn cửa ải xa.*

*Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ,,*

*Con thuyền buộc chặt mối tình nhà(2).*

*Lạnh lùng giục kẻ tay đao thước,*

*Thành Bạch(3), chày vang bóng ác tà(4)*

*(Cảm xúc mùa thu(5)*, Đỗ Phủ - NGUYỄN CÔNG TRỨ dịch, Thơ Đường, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

**Chú giải:**

1. *Phong*: một loại cây có nhiều ở vùng ôn đới, về mùa thu lá chuyển sang màu đỏ úa.
2. Hai câu thơ 3 – 4 bản nguyên tác là:

*“Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,*

*Cô chu nhất hệ cố viên tâm.”*

(Khóm cúc nở hoa đã hai lần làm tuôn rơi nước mắt ngày trước,

Con thuyền lẻ loi thắt chặt mãi tấm lòng nhớ về vườn cũ.)

1. *Thành Bạch,* tức thành Bạch Đế: tòa thành được xây trên núi cao, ở bờ Bắc sông Trường Giang, thuộc thành phố Trùng Khánh.
2. *Chày vang bóng ác tà:* chỉ tiếng chày đập áo lúc xế chiều, khi mặt trời sắp lặn. Người Trung Quốc xưa giặt áo, giặt vải thường dày và cứng bằng cách đặt lên một tảng đá lớn rồi dùng chày mà đập. Khi trời trở rét, nơi nơi sắm sửa may áo ấm và giặt giũ để chuẩn bị đón mùa đông và gửi tới người thân nơi biên ải. Bởi vậy, trong thơ cổ, tiếng chày đập áo trong bóng chiều tà trở thành âm thanh đặc trưng của mùa thu, gợi nỗi buồn thương nhớ cho kẻ tha hương.
3. Đây là bài thơ thứ nhất trong chùm thơ “*Thu hứng*” gồm 8 bài của nhà thơ Đỗ Phủ. Bài thơ được sáng tác năm 766 khi nhà thơ đang ngụ cư tại Quỳ Châu (nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên). Đây là giai đoạn Đỗ Phủ cùng gia đình phải chạy loạn An Lộc Sơn, phải sống xa quê nhà.

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính và thể thơ của văn bản.

**Câu 2.** Cảnh thiên nhiên mùa thu được gợi lên qua những hình ảnh nào ở 4 câu thơ đầu?

**Câu 3.** Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của một biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

*Lưng trời sóng rợn lòng sông thẳm,*

*Mặt đất mây đùn cửa ải xa.*

**Câu 4.** Nhận xét sự thay đổi tầm nhìn từ bốn câu đầu đến bốn câu sau. Vì sao có sự thay đổi ấy?  
**Câu 5**. Hai câu thơ sau giúp anh/chị hiểu gì về tâm trạng của nhân vật trữ tình khi ở cách xa  
quê hương?

*Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ,*

*Con thuyền buộc chặt mối tình nhà.*

**Câu 6.** Viết đoạn văn ngắn (7 - 10 dòng) nói lên suy nghĩ về tình cảm của Đỗ Phủ với quê hương được thể hiện trong bài thơ. Phải chăng đó chỉ là tâm sự của riêng tác giả?

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật

**Câu 2:** Cảnh thiên nhiên mùa thu được gợi lên qua những hình ảnh ở 4 câu thơ đầu:

*Sương móc ở rừng phong – khí thu hiu hắt nơi núi cao - sóng ở lòng sông - mây đùn cửa ải.*

**Câu 3:**

**-** Nghệ thuật đối kết hợp đối lập:

*Sóng dưới lòng sông vọt lên lưng trời – Mây nơi cửa ải sà xuống mặt đất*

- Tác dụng của biện pháp tu từ:

+ Nêu bật sự vận động mạnh mẽ, dữ dội của thiên nhiên vùng rừng núi vào mùa thu.

+ Phần nào ẩn chứa nỗi lo lắng, bất an của tác giả cho tình cảnh của đất nước.

+ Làm cho cách diễn đạt sinh động, ấn tượng hơn.

**Câu 4:**

- Điểm nhìn của tác giả: từ xa lại gần, thu hẹp dần (từ khung cảnh chung của thiên nhiên đến các sự vật cụ thể gắn bó với riêng tác giả, ở gần tác giả).

- Do sự vận động của thời gian về chiều muộn, ngày tàn, sự nhạt dần của ánh sáng khiến tầm nhìn bị thu hẹp.

**Câu 5:** Tâm trạng của tác giả thể hiện qua hai câu thơ là:

* Hình ảnh *khóm cúc* là biểu tượng cho nỗi buồn đau dằng dặc, thường trực của tác giả. Đó là sự chất chồng của nỗi xót xa cho thân phận tha hương trôi nổi và nỗi nhớ quê hương da diết.
* "*Con thuyền buộc chặt mối tình nhà*": mối buộc của con thuyền lại gắn kết với nỗi nhớ nơi vườn cũ (quê hương)

=> Hai câu thơ cho thấy nỗi nhớ quê hương, sự gắn bó sâu nặng với quê nhà của nhà thơ trong tình cảnh tha hương chạy loạn.

**Câu 6. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức**: Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy.

**- Nội dung**: suy nghĩ về tình cảm của Đỗ Phủ với quê hương được thể hiện trong bài thơ.

**Gợi ý**

Bài thơ “Cảm xúc mùa thu” (Thu hứng) của Đỗ Phủ đã thể hiện rõ nỗi lòng của nhà thơ dành cho quê hương khi gia đình phải chạy loạn, phải sống xa quê nhà. Trong hoàn cảnh xa quê, chứng kiến 2 lần mùa thu đến trên đất người, nhìn cảnh vật mà thi nhân nhớ quê da diết. Tâm trạng, buồn thương đó được gửi gắm vào cảnh vật qua bút pháp tả cảnh ngụ tình độc đáo. Nhà thơ nhìn hoa cúc nở nhớ về những mùa thu ở quê hương mà lòng u sầu, nghẹn ngào. Giọt nước mắt trong bài thơ rất khó phân biệt lệ của người hay của hoa. Con thuyền cô độc trôi nổi, lưu lạc là phương tiện nhà thơ gửi gắm ước nguyện về quê; con thuyền đã buộc chặt nỗi lòng con người với quê nhà thơ là nỗi lòng riêng tư của Đỗ Phủ nhưng cũng chan chứa tâm sự yêu nước, thương đời; đó cũng là nỗi lòng chung của biết bao người trong thời buổi loạn li đã được gửi gắm qua nghệ thuật thơ Đường đạt tới trình độ mẫu mực.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU THƠ ĐƯỜNG LUẬT NGOÀI SGK**

**Đề số 03:**  **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng**

(*Hoàng Hạc lâu(1) tống Mạnh Hạo Nhiên(2) chi Quảng Lăng(3)*)

***Phiên âm:***

*Cố nhân tây từ Hoàng Hạc lâu,*

*Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu.*

*Cô phàm viễn ảnh bích không tận,*

*Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.*

***Dịch nghĩa:***

*Bạn cũ giã từ lầu Hoàng Hạc, ở phía tây,*

*Xuôi về Dương Châu giữa tháng ba, mùa hoa khói.*

*Bóng cánh buồm lẻ loi xa dần, mất hút vào khoảng không xanh biếc,*

*Chỉ thấy sông Trường Giang chảy vào cõi trời.*

***Dịch thơ:***

*Bạn từ lầu Hạc lên đường*

*Giữa mùa hoa khói, Châu Dương xuôi dòng*

*Bóng buồm đã khuất bầu không,*

*Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời.*

LÍ BẠCH(4)

NGÔ TẤT TỐ dịch, Thơ Đường, tập II, NXB Văn Học, Hà Nội, 1987)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính; thể thơ ở phần phiên âm và dịch thơ.

**Câu 2.** Chỉ ra thời gian và địa điểm chia tay giữa hai nhà thơ Lí Bạch và Mạnh Hạo Nhiên**.**

**Câu 3.** Từ *cố nhân* mà bản dịch thơ dịch là *bạn* có nói hết được ý nghĩa của từ *cố nhân* chưa? Vì sao?

**Câu 4.** Anh/ chị hiểu như thế nào về hình ảnh “Yên hoa tam nguyệt”?

**Câu 5.** Phân tích sự chuyển động của “cánh buồm” trong câu thơ thứ 3. Hình ảnh cho thấy tâm trạng gì của nhà thơ Lí Bạch?

**Câu 6.** Viết đoạn văn ngắn (7 - 10 dòng) bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của tình bạn trong cuộc sống hôm nay?

Chú thích:

1. *Hoàng Hạc lâu* (lầu Hoàng Hạc): một thắng cảnh nổi tiếng của Trung Quốc nằm trên mỏm Hoàng Hạc Cơ, núi Hoàng Hạc, bên sông Trường Giang, huyện Vũ Xương, nay thuộc thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc.
2. *Mạnh Hạo Nhiên* (689 – 740): một nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc thời Đường. Mạnh Hạo Nhiên hơn Lí Bạch 12 tuổi, nhưng họ vẫn là đôi bạn văn chương rất thân thiết.
3. *Quảng Lăng*: tên một quận, thủ phủ là Dương Châu, đô thị phồn hoa vào bậc nhất thời Đường, nay là thành phố Dương Châu, tỉnh Giang Tô.
4. *Lí Bạch* (701-762): nhà thơ lãng mạn vĩ đại của Trung Quốc, được người Trung Quốc gọi là “Thi tiên”. Thơ ông có sự thống nhất giữa cái cao cả và cái đẹp.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:**

* Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm
* Thể thơ: Bản phiên âm theo thể thất ngôn tứ tuyệt Đường luật; bản dịch thơ theo thể thơ lục bát.

**Câu 2:**

- Thời gian: tháng ba mùa xuân

- Địa điểm: phía tây lầu Hoàng Hạc – một thắng cảnh của Trung Quốc

**Câu 3:**

Từ *cố nhân* mà dịch là *bạn* chưa nói hết ý nghĩa của từ *cố nhân* . Bởi lẽ, *cố nhân* là người bạn gắn bó, thân thiết từ xưa, cho dù thời gian có đi qua. Buổi chia tay nhờ có hai tiếng *cố nhân* ấy mà đắm chìm trong sự thiết tha, quyến luyến. Còn chữ *bạn* chỉ gợi tình bạn bình thường.

**Câu 4:**

* Hình ảnh *yên hoa tam nguyệt* chỉ hình ảnh sương mù, khói sóng trên sông tụ lại như hoa.
* Hình ảnh cho thấy vẻ đẹp mĩ lệ, thi vị, mờ ảo của sông nước Trường Giang độ cuối xuân

**Câu 5:**

- Sự chuyển động của “cánh buồm”: cánh buồm lẻ loi 🡪 xa dần🡪 mất hút vào khoảng không xanh biếc

- Sự chuyển động của cánh buồm cho thấy ánh nhìn dõi theo của nhà thơ đối với con thuyền đưa bạn đi xa. Cái nhìn tinh tế cho thấy tình cảm lưu luyến của nhà thơ, nỗi nhớ mong theo cả hành trình dài của bạn.

**Câu 6. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

**\*Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

**\* Nội dung:**

* Ý nghĩa của tình bạn:

+ Tình bạn giúp ta bồ đắp tâm hồn, hoàn thiện nhân cách.

+ Nhờ tình bạn, ta trưởng thành hơn, giàu nghị lực hơn trong cuộc sống

+ Tình bạn giúp ta cảm thấy cuộc sống trở nên ý nghĩa, hạnh phúc hơn.

* Khẳng định tình bạn là tình cảm thiêng liêng không thể thiếu trong cuộc đời mỗi con người; rút ra bài học cho bản thân để xây dựng một tình bạn đẹp, vững bền.

**Đề số 04:**  **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**NỖI OÁN CỦA NGƯỜI PHÒNG KHUÊ(1)**

(*Khuê oán*) - Vương Xương Linh

***Phiên âm:***

*Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,*

*Xuân nhật ngưng trang thướng thúy lâu.*

*Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc,*

*Hối giao phu tế mịch phong hầu.*

***Dịch nghĩa:***

*Người đàn bà trẻ nơi phòng khuê không biết buồn,*

*Ngày xuân trang điểm lộng lẫy, bước lên lầu đẹp,*

*Chợt thấy sắc [xuân] của cây dương liễu(2) đầu đường,*

*Hối hận đã để chồng đi [tòng quân lập công, làm quan] kiếm tước hầu(3)!*

***Dịch thơ:***

*Thiếu phụ phòng khuê chẳng biết sầu,*

*Ngày xuân chải chuốt, bước lên lầu.*

*Đầu đường chợt thấy màu dương liễu,*

*Hối để chàng đi kiếm tước hầu.*

NGUYỄN KHẮC PHI dịch - (Có tham khảo bản dịch của TRẦN TRỌNG SAN, *Thơ Đường*, quyển I, Bắc Đẩu, Sài Gòn, 1966)

**Chú giải:**

1. *Phòng khuê:* phòng của phụ nữ quý tộc ngày xưa, cũng dùng để chỉ phòng của phụ nữ nói chung.
2. *Màu dương liễu*: Màu của mùa xuân và tuổi trẻ, gợi lên khát vọng hạnh phúc. Ở đây, người thiếu phụ thấy màu dương liễu mà nhớ đến người chồng đang ra trận để “kiếm tước hầu”.
3. *Kiếm tước hầu:* thời phong kiến, bề tôi lập được công lớn (thường là chiến công) thì được vua phong tước hầu. Ở đây, người chồng đi tìm kiếm tước hầu có nghĩa là đi ra trận lập công để được phong tước hầu. *Khuê oán* được sáng tác vào thời thịnh vượng của nhà Đường, các cuộc chiến tranh phần lớn là để mở mang bờ cõi**.**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ.

**Câu 2.** Người thiếu phụ trong bài thơ đang ở trong hoàn cảnh cụ thể nào?

**Câu 3.** Người thiếu phụ có tâm trạng, hành động gì trong hai câu đầu?

**Câu 4.** Hình ảnh dương liễu có ý nghĩa gì?

**Câu 5.** Sau khi nhìn thấý *màu dương liễu*, người thiếu phụ có sự chuyển biến tâm trạng như thế nào ở câu 3 và câu 4? Lí giải sự chuyển biến tâm trạng đó.

**Câu 6.** Viết đoạn văn ngắn (3 – 5 câu) bày tỏ suy nghĩ về giá trị nhân đạo của bài thơ.

***Gợi ý làm bài***

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

**Câu 2:** Hoàn cảnh cụ thể của người thiếu phụ: đang phải xa chồng (chồng nàng đang ra trận)

**Câu 3:**

- Tâm trạng: “bất tri sầu” – không biết buồn, vô tư, vui tươi, hi vọng chồng nàng sẽ vẻ vang trở về và được ban tước hầu.

- Hành động: trang điểm lộng lẫy, bước lên lầu cao ngắm cảnh (đây là nếp sinh hoạt của người phụ nữ quý tộc, trẻ trung, xinh đẹp).

**Câu 4:** Hình ảnh dương liễu: biểu tượng cho mùa xuân, tuổi trẻ, gợi lên khát vọng hạnh phúc, gợi lên bao liên tưởng và xúc cảm, hồi ức về người chồng.

**Câu 5:** Sau khi nhìn thấý *màu dương liễu*, người thiếu phụ có sự chuyển biến tâm trạng ở câu 3 và câu 4:

- Diễn biến tâm trạng: từ *bất tri sầu* (không biết buồn -câu 1) –→ *hốt* (giật mình, bừng tỉnh – câu 3) 🡪*hối* (hối hận, tiếc nuối) – oán sầu.

- Lí giải: Màu dương liễu đã đánh thức khát khao hạnh phúc và cả ý thức về sự biệt li ở người thiếu phụ. Người thiếu phụ giật mình bừng thức, thoát ra khỏi giấc mộng công hầu, để nhận thức về sự trôi chảy của tuổi xuân, sự hữu hạn của đời người, nhất là tuổi trẻ. Càng ý thức khát khao hạnh phúc thì giấc mơ công hầu càng trở nên bé nhỏ, vô nghĩa.

**Câu 6.** HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

**\* Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

**\* Nội dung:** Giá trị nhân đạo của bài thơ:

- Đồng cảm với khát vọng hạnh phúc lứa đôi của con người trong xã hội phong kiến.

- Tố cáo, lên án, phản đối chiến tranh phi nghĩa của con người thời Đường.

**DẠNG 3: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Đề bài:** Phân tích bài thơ “Cảm xúc mùa thu” (Thu hứng – bài 1) của Đỗ Phủ.

**Gợi ý dàn ý**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu về tác giả Đỗ Phủ: Đỗ Phủ là nhà thơ hiện thực vĩ đại của Trung Quốc với những vần thơ phản ánh hiện thực và bày tỏ cảm xúc, thái độ, tâm trạng đau khổ trước hiện thực đời sống của nhân dân trong chiến tranh, trong nạn đói, chan chứa tình yêu nước và tinh thần nhân đạo.

- Giới thiệu về bài thơ “Cảm xúc mùa thu”: *Cảm xúc màu thu* là bài thơ đầu tiên trong chòm 8 bài thơ “Thu hứng” của Đỗ Phủ thể hiện nỗi lòng của nhà thơ với quê hương, đất nước.

**2. Thân bài**

***2.1.  Bốn câu thơ đầu: Cảnh thu***

***a. Hai câu đề (Câu 1 và 2)***

- Hình ảnh *ngọc lộ, phong* thụ lâm: là những hình ảnh quen thuộc của mùa thu Trung Quốc.

+ “Ngọc lộ: Miêu tả hạt sương móc trắng xóa, dầy đặc làm tiêu điều, hoang vu cả một rừng phong. Bản dịch thơ dịch thanh thoát nhưng chưa truyền tải đầy đủ nội dung, ý nghĩa thần thái của nguyên tác.

+ “Phong thụ lâm”: hình ảnh thường được dùng để tả cảnh sắc mùa thu và nỗi sầu li biệt  
 - “Núi Vu, kẽm Vu”: Là hai địa danh cụ thể ở Trung Quốc, vào mùa thu khí trời âm u, mù mịt. Bản dịch thơ là “ngàn non”: Đánh mất hai địa danh cụ thể lại không diễn tả được hết không khí của mùa thu.

- “Khí tiêu sâm”: Hơi thu hiu hắt, ảm đạm

→ Không gian thiên nhiên vừa có chiều cao vừa có chiều rộng và chiều sâu, không gian lạnh lẽo xơ xác, tiêu điều, ảm đạm.

→ Diễn tả cảm xúc buồn, cô đơn, lạnh lẽo của tác giả.

***b. Hai câu thực (Câu 3 và 4)***

- Điểm nhìn từ lòng sông đến miền quan ải, không gian được nới theo ba chiều rộng, cao và xa:

+ Tầng xa: là ở giữa dòng sông thăm thẳm là “sóng vọt lên tận lưng trời”

+ Tầng cao: là miền quan ải với hình ảnh mây sa sầm giáp mặt đất.

+ Tầng rộng: mặt đất, bầu trời, dòng sông đều cho ta hình dung về không gian rộng lớn.

- Hình ảnh đối lập, phóng đại: sóng – vọt lên tận trời (thấp – cao), mây – sa sầm xuống mặt đất (cao – thấp)

→ Sự vận động trái chiều của những hình ảnh không gian kì vĩ, tráng lệ.

→ Tâm trạng con người ngột ngạt, bí bách, bất an.

⇒ Bốn câu thơ vẽ lên bức tranh mùa thu xơ xác, tiêu điều, mênh mông, rợn ngợp, cảnh vật thiên nhiên như chao đảo. Đó phải chăng cũng là bức tranh của xã hội Trung Quốc đương thời loạn lạc bất an, chao đảo?

⇒ Tâm trạng buồn, cô đơn, bất an, lo lắng của tác giả trước thời cuộc.

***2.2 .Bốn câu thơ sau: Tình thu***

***a. Hai câu luận (Câu 5 và 6)***

- Hình ảnh nhân hóa, ẩn dụ:

+ Khóm cúc nở hoa – tuôn dòng lệ: Có hai cách hiểu khóm cúc nở ra làm rơi giọt nước mắt, khóm cúc nở ra giọt nước mắt.

→ Dù hiểu theo cách nào cùng thấy được tâm sự buồn của tác giả.

+ *Cô chu* – con thuyền cô độc

→ Hình ảnh gợi sự trôi nổi, lưu lạc của con người. Đây là phương tiện để nhà thơ gửi gắm khát vọng về quê.

- Từ ngữ:

+ “Lưỡng khai”: Nỗi buồn lưu cữu, trải dài từ quá khứ đến hiện tại

+ “Nhất hệ”: Dây buộc thuyền cũng là sợi dây buộc mối tình nhà của tác giả.

+ “Cố viên tâm”: Tấm lòng hướng về quê cũ. Thân phận của kẻ tha hương, li hương luôn khiến lòng nhà thơ thắt lại vì nỗi nhớ quê (Lạc Dương), nhớ nước (Trường An – kinh đô nhà Đường).

- Sự đồng nhất giữa các sự vật, hiện tượng:

+ Tình – cảnh: Nhìn cúc nở hoa mà lòng buồn tuôn giọt lệ;

+ Quá khứ hiện tại: Hoa cúc nở hai lần năm ngoái – năm nay mà không thay đổi;

+ Sự vật – con người: Sợi dây buộc thuyền cũng là sợi dây buộc chặt tâm hồn người.

→ Hai câu thơ đặc tả nỗi lòng đau buồn, tha thiết, dồn nén vì nỗi nhớ quê không thể giải tỏa của nhà thơ.

***b. Hai câu kết (Câu 7 và 8)***

- Hình ảnh

+ Mọi người nhộn nhịp may áo rét

+ Giặt quần áo chuẩn bị cho mùa đông tới

→ Không khí chuẩn bị cho mùa đông, gấp gáp, thúc giục.

- Âm thanh: Tiếng chày đập vải

→ Âm thanh báo hiệu mùa đông sắp đến, đồng thời diễn tả sự thổn thức, ngổn ngang, mong chờ ngày về quê của tác giả.

⇒ Bốn câu thơ khắc sâu tâm trạng buồn, cô đơn, lẻ loi, trầm lắng, u sầu vì nỗi mong nhớ trở về quê hương.

***2.3. Nghệ thuật***

- Tứ thơ trầm lắng, u uất;

- Lời thơ buồn, thấm đẫm tâm trạng, câu chữ tinh luyện;

- Bút pháp đối lập, tả cảnh ngụ tình;

- Ngôn ngữ ước lệ nhiều tầng ý nghĩa.

***2.4. Liên hệ, mở rộng***: Cảm thức quê nhà trong thơ Đường vô cùng phổ biến và đặc sắc: Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh(Lí Bạch), *Hoàng Hạc lâu* (Thôi Hiệu).

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại giá trị của bài thơ.

- Bày tỏ suy nghĩ bản thân.

- **Ví dụ:** Bài thơ không chỉ vẽ nên một bức tranh thu giàu chất gợi hình mà còn gợi lên cả trong ta một nỗi niềm sâu kín. Nỗi lo âu thế sự, nỗi nhớ quê hương cùng nỗi đơn côi lạc lõng đã được thể hiện thật tài tình trong bài thơ. Chính với ngòi tinh tế và cảm xúc sâu sắc đong đầy, Đỗ Phủ và bài thơ "Thu hứng" sẽ mãi giữ được một vị trí quan trọng trong nền thi ca Trung Quốc.

**C. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY:**

- Về nội dung:....................................................................................................................

- Về phương pháp:.............................................................................................................

- Về thời gian:....................................................................................................................

- Về HS:............................................................................................................................

*Lang Chánh, ngày tháng năm 2022*

**TTCM THÔNG QUA**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phạm Thị Nghị**

**NGƯỜI SOẠN BÀI**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Đinh Thị Linh**

**DUYỆT CỦA BGH**

(Ký tên và đóng dấu)

**Tiết 18-19:**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẨN: MÙA XUÂN CHÍN (HÀN MẶC TỬ) VÀ ĐỌC MỞ RỘNG KẾT NỐI VIẾT**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Một số kiến thức chung về thể loại Thơ mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thơ mới** | **1. Giai đoạn** | **1932 - 1945** |
| 2. Vị trí | - Sự kiện mở ra “một thời đại mới trong thi ca” Việt Nam.  - Đánh dấu sự chấm dứt của mười thế kỉ thơ ca trung đại, đưa thơ Việt Nam vào quỹ đạo hiện đại. |
| 3. Ảnh hưởng | - Chịu ảnh hưởng của thơ ca Pháp, đặc biệt là trào lưu chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa tượng trưng. |
| 4. Nội dung | - Bộc lộ những tình cảm, cảm xúc cá nhân cũng như ý thức cá tính của con người với nhiều biểu hiện đa dạng, độc đáo. |
| 5. Hình thức | - Bài thơ được tổ chức theo dòng chảy tự nhiên của cảm xúc.  - Câu thơ và các phương thức gieo vần, ngắt nhịp, tạo nhạc điệu trở nên linh hoạt, tự do hơn.  - Hình ảnh thơ thể hiện rõ nét dấu ấn chủ quan trong cách nhà thơ quan sát, cảm nhận và tưởng tượng về thế giới. |
| **Chủ thế trữ tình** | **Là cái tôi cá nhân** | |

**2. Tác giả Hàn Mặc Tử**

**a. Cuộc đời**

-   Hàn Mặc Tử (1912-1940) tên khai sinh là Nguyễn Trọng Trí, quê ở làng Lệ Mỹ, tổng Võ Xá, huyện Phong Lộc, thị xã Đồng Hới (nay là phường Đồng Mỹ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình).

- Hàn Mặc Tử xuất thân trong một gia đình viên chức nghèo, cha mất sớm, từ nhỏ sống với mẹ ở Quy Nhơn và có một thời gian học trung học ở Huế. Hết thời gian ở Huế, Hàn Mặc Tử làm công chức ở Sở Đạc Điền Bình Định rồi vào Sài Gòn làm báo. Năm 1936, Hàn Mặc Tử phải trở về Quy Nhơn để chữa bệnh, bốn năm sau ông mất do căn bệnh phong.

-  Hàn Mặc Tử làm thơ từ rất sớm (14, 15 tuổi) với nhiều bút danh khác nhau như Minh Duệ Thị, Phong Trần, Lệ Thanh... Ban đầu Hàn Mặc Tử sáng tác theo thơ cổ điển Đường luật, sau đó chuyển sang sáng tác theo khuynh hướng lãng mạn.

**=> *Cuộc đời Hàn Mặc Tử thật ngắn ngủi và chịu nhiều đau thương, nhưng với khả năng sáng tạo và nghị lực phi thường, ông đã để lại cho thế hệ sau nhiều tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao. Qua diện mạo hết sức phức tạp và đầy bí ẩn của thơ Hàn Mặc Tử, người ta vẫn thấy rõ một tình yêu đến đau đớn hướng về cuộc đời trần thế.***

**b. Sự nghiệp sáng tác**

- Các tác phẩm chính của Hàn Mặc Tử: *Gái quê* (1936), *Thơ Điên* (1938), *Xuân như ý, Thượng thanh khí, Cẩm châu duyên, Duyên kì ngộ* (kịch thơ - 1939), *Quần tiên hội* (kịch thơ - 1940), *Chơi giữa mùa trăng* (thơ văn xuôi - 1944). Ngoài tác phẩm *Gái quê* được in khi tác giả còn sống, còn tất cả các tác phẩm còn lại đều dược in thành tập khi Hàn Mặc Tử đã mất.

**3. Bài thơ “Mùa xuân chín”**

**a. Xuất xứ**: Bài thơ *Mùa xuân chín* nằm trong tập *Thơ Điên*

**b. Hoàn cảnh sáng tác**: Hàn Mặc Tử sáng tác khi ông đang nằm bệnh tại trại phong Quy Hòa (Quy Nhơn). Căn bệnh phong đã khiến nhà thơ phải sống cách biệt với thế giới bên ngoài, vật lộn với nỗi đau thể xác và tâm hồn. Nhưng cũng chính thời gian này, ông đã viết nên nhiều thi phẩm đặc sắc, trong đó có *Mùa xuân chín* .

**c. Ý nghĩa nhan đề:** Nhan đề "Mùa xuân chín" đã gợi những liên tưởng rất lạ, rất đẹp. Tính từ "chín" thường để miêu tả trạng thái của cây trái khi kết hợp với danh từ "mùa xuân" mở ra nhiều liên tưởng độc đáo. Nhan đề ấy gợi lên một mùa xuân đang ở độ chín, với sức sống căng tràn, vẻ đẹp lung linh, sắc màu rạng rỡ, lòng người phơi phới xuân tình..

**d. Nội dung**: Bài thơ là bức tranh mùa xuân đẹp, xanh tươi, đầy sức sống qua tình yêu tha thiết, mãnh liệt và một nỗi nhớ nhung khắc khoải, da diết của nhân vật trữ tình về một thế giới tươi đẹp giờ chỉ còn trong kí ức.

**e. Nghệ thuật:** Ngôn từ, hình ảnh thơ vừa bình dị vừa giàu sức gợi hình, biểu cảm; cách ngắt nhịp độc đáo; các phép tu từ so sánh, nhân hóa.. mang lại hiệu quả nghệ thuật cao.

**II. LUYỆN TẬP**

**DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM:**

**Câu 1:** Câu nào dưới đây không nói về cuộc đời của Hàn Mặc Tử?

**A. Tuy sinh ra trong 1 gia đình giàu có nhưng Hàn Mặc Tử lại gặp nhiều bất hạnh.**

B. Tên khai sinh là Nguyễn Trọng Trí, làm thơ lấy các bút danh là Hàn Mặc Tử, Minh Duệ Thị, Phong Trần, Lệ Thanh.

C. Sinh năm 1912 tại huyện Phong Lộc, tỉnh Đồng Hới (nay thuộc Quảng Bình), mất năm 1940 tại Quy Nhơn.

D. Sinh ra trong một gia đình viên chức nghèo theo đạo Thiên Chúa, có hai năm họ trung học ở trường Pe-lơ-ranh.

**Câu 2:** Nhan đề “*Mùa xuân chín*” là sự kết hợp các từ loại nào?

A. Động từ và tính từ

B. Động từ và danh từ

B. Danh từ và tính từ

B. Động từ và thán từ

**Đáp án** B. Danh từ và tính từ

**Câu 3:** Ngôn ngữ trong bài thơ có nét đặc sắc là gì?

A. Tinh tế, giàu tính liên tưởng.

B. Sáng tạo, giàu hình tượng.

**C. Giản dị, trong sáng thuần khiết.**

D. Giản dị, sống động, hóm hỉnh.

**Câu 4:** Sắc thái cảm xúc chủ đạo toát ra từ khổ cuối của bài thơ là sắc thái nào sau đây?

**A. Nhớ thương, hoài niệm**

B. Khát khao, vô vọng

C. Hoài nghi

D. Tuyệt vọng

**Câu 5:** Lấy bút danh là Hàn Mặc Tử, nhà thơ có ngụ ý gì?

**A. Ngụ ý coi mình là người làm nghề văn chương (Mặc).**

B. Ngụ ý coi mình là người có ngòi bút lạnh lùng (Hàn).

C. Ngụ ý coi mình là công chức văn phòng (Mặc).

D. Ngụ ý coi mình là người sống nghèo khó nhưng thanh bạch (Hàn).

**DẠNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**Đề số 01: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan.*

*Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.*

*Sột soạt gió trêu tà áo biếc*

*Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang.*

(*Mùa xuân chín*-Hàn Mặc Tử, *Thơ*, Sở Văn hóa và Thông tin Nghĩa Bình, 1988. tr.78))

**Câu 1.** Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào? Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên?

**Câu 2.** Tìm các từ láy được sử dụng trong đoạn thơ.

**Câu 3.** Nêu nội dung chính của đoạn thơ.

**Câu 4.** Đoạn thơ sử dụng những biện pháp tu từ gì? Phân tích hiệu quả các biện pháp tu từ đó?

**Câu 5.** Trình bày ngắn gọn về cái tôi trữ tình của nhà thơ trong đoạn thơ.

**Câu 6.** Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 đến 7 dòng) về ý nghĩa của: Lắng nghe lời thì thầm của mùa xuân.

Gợi ý:

**Câu 1.**

**-** Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ thơ mới bảy chữ

- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

**Câu 2.** Các từ láy được sử dụng trong đoạn thơ: lấm tấm, sột soạt

**Câu 3.** Nội dung chính của đoạn thơ:

– Cảnh đẹp mùa xuân trong con mắt một thi sĩ yêu đời.

– Tình yêu tha thiết với thiên nhiên, quê hương đất nước.

**Câu 4:**

Các biện pháp tu từ được sử dụng, hiệu quả nghệ thuật:

+ Nhân hóa: gió (trêu) – chàng trai đa tình. Gợi lên khung cảnh đầy sức sống, qua đó gửi gắm niềm yêu đời của nhà thơ.

+ Câu đặc biệt: *Trên giàn thiên lí*. Gợi cái nhìn tinh tế về sự chuyển mùa, nhà thơ như nhìn thấy sự hiện diện trong mỗi bước xuân sang.

+ Đảo ngữ: sột soạt gió trêu tà áo biếc – Nổi bật bức tranh sống động.

+ Dùng các từ láy: lấm tấm, sột soạt, gợi hình tượng về cảnh đẹp mùa xuân.

+ Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt,…

**Câu 5.** Đoạn thơ của Hàn Mặc Tử cho thấy một hồn thơ yêu đời mãnh liệt, tha thiết.

**Câu 6.** **HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy;

-  **Nội dung:** Lắng nghe lời thì thầm của mùa xuân có ý nghĩa:

+ Giúp tâm hồn thêm giàu có, phong phú;

+ Giúp ta thêm trân trọng, mến yêu cuộc sống;

+ Khiến con người cảm nhận niềm vui, hạnh phúc;

+ Biết sống trọn vẹn tuổi thanh xuân;

+ Sống có ý nghĩa với cuộc đời, với xã hội…

**ĐỌC HIỂU THƠ MỚI NGOÀI SGK**

**Đề số 02: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?*

*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*

*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

(Trích *Đây thôn Vĩ Dạ*, Hàn Mặc Tử, *Ngữ văn 11*,Tập hai, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2019, tr.39)

**Câu 1**: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ.

**Câu 2**: Giải thích ý nghĩa câu hỏi mở đầu bài thơ *“Sao anh không về chơi thôn Vĩ?”.*

**Câu 3**: Xác định phép điệp trong đoạn thơ và nêu hiệu quả nghệ thuật mà nó mang lại.

**Câu 4:** Nhận xét về sự thay đổi điểm nhìn trong đoạn thơ.

**Câu 5:** Hình ảnh con người xứ Huế hiện lên như thế nào qua câu thơ “*Lá trúc che ngang mặt chữ điền”*

**Câu 6**: Cảm nhận về tình cảm của nhà thơ với mảnh đất và con người thôn Vĩ.

Gợi ý:

**Câu 1**: PTBĐ chính: Biểu cảm

**Câu 2**: “*Sao anh không về chơi thôn Vĩ*? là một câu hỏi tu từ mang nhiều ý nghĩa.

- Ý nghĩa biểu đạt: Sao anh không về chơi thôn Vĩ? vừa là câu hỏi vừa là lời mời gọi tha thiết của cô gái thôn Vĩ với nhân vật trữ tình.

- Ý nghĩa biểu cảm:

* Gợi cảm giác như lời trách nhẹ nhàng và cũng là lời mời gọi tha thiết (lời nhà thơ tự trách, tự hỏi mình; lời ƣớc ao thầm kín của người đi xa được về lại thôn Vĩ).
* Hai tiếng về chơi bộc lộ sắc thái tự nhiên, thân mật, chân tình.
* Câu hỏi là duyên cớ để khơi dậy trong tâm hồn nhà thơ bao kỉ niệm sâu sắc, bao hình ảnh đẹp đẽ, đáng yêu của xứ Huế, trước hết là Vĩ Dạ - nơi có người mà nhà thơ thương mến và đẹp nhất là cảnh thôn Vĩ trong ánh bình minh.

**Câu 3**:

- Điệp từ “*Nắng*”:

- Hiệu quả nghệ thuật:

+ Điệp từ *nắng* cùng cụm hình ảnh tiểu đối: *nắng hàng cau - nắng mới lên* khiến ta cảm giác ánh sáng như đang đầy dần trong khu vườn thôn Vĩ tạo không gian động tràn đầy ánh sáng, tình yêu tha thiết của thi nhân với thôn Vĩ.

+ Tạo giọng điệu tha thiết khi nhắc về thôn Vĩ…

**Câu 4:** Nhận xét về sự thay đổi điểm nhìn trong đoạn thơ:

- Từ cao xuống thấp,

- Từ xa đến gần

**Câu 5:** Hình ảnh con người xứ Huế hiện lên qua câu thơ *Lá trúc che ngang mặt chữ điền:*

- Con người xứ Huế hiện lên chân chất, mộc mạc,

- Con người đôn hậu, hiền lành.

**Câu 6**: Tình cảm của nhà thơ với mảnh đất và con người thôn Vĩ:

- 4 câu thơ đã đặc tả vẻ đẹp của phong cảnh và con người xứ Huế sinh động tràn đầy sức sống, cảnh thì đẹp dáng, đẹp màu, người thì đẹp lòng, đẹp nết.

- Lời thơ tha thiết chứa đựng cả một tình yêu, một niềm khao khát. Có lẽ nhà thơ hiểu rất rõ hoàn cảnh thực tại đầy đau đớn của mình, hiểu rằng cảnh và người thôn Vĩ mãi mãi chỉ là trong mộng mà thôi.

- Tuy nhiên, buồn mà không tuyệt vọng, đau khổ mà vẫn ước mơ, hồn thơ dạt dào sức sống ấy chỉ hồi tưởng một cuộc gặp gỡ trong tâm linh mà niềm vui như thấm vào đường nét của cảnh vật, nghe như có tiếng thì thầm reo vui của cuộc hội ngộ đích thực trong hiện tại.

**Đề số 03: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

*Học trò trường huyện ngày năm ấy,  
Anh tuổi bằng em, lớp tuổi thơ.  
Những buổi học về không có nón,  
Đội đầu chung một lá sen tơ.  
  
Lá sen vương vấn hương sen ngát,  
Ấp ủ hai ta, chút nhụy hờ  
Lũ bướm tưởng hoa cài mái tóc,  
Theo về tận cửa mới tan mơ.*

(*Trường huyện,*Nguyễn Bính *- Thơ và đời*, Hoàng Xuân*,* NXB Văn học, 2003)

**Câu 1**. Xác định nhân vật trữ tình trong đoạn thơ.

**Câu 2.** Chỉ ra những hình ảnh đẹp trên đường đi học về của đôi bạn nhỏ.

**Câu 3.** Theo anh/chị, đâu là “chất quê” được thể hiện trong đoạn thơ?

**Câu 4.** Hiệu quả nghệ thuật của phép tu từ nhân hoá trong những câu thơ:

*Lũ bướm tưởng hoa cài mái tóc,  
Theo về tận cửa mới tan mơ.*

**Câu 5.** Những kỉ niệm tuổi thơ gợi cho anh chị suy nghĩ gì?

**Câu 6.** Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 đến 7 dòng) trình bày suy nghĩ của mình về tình yêu tuổi học đường.

Gợi ý:

**Câu 1**. Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ*: Anh -* người con trai trong câu chuyện tuổi thơ năm nào nơi trường huyện.

**Câu 2.** Những hình ảnh đẹp trên đường đi học về của đôi bạn nhỏ:

- Không có nón nên đội chung lá sen.

- Có lũ bướm theo về tận nhà.

**Câu 3.** “Chất quê” được thể hiện trong đoạn thơ:

- Hình ảnh thơ gần gũi, thân thuộc gắn với kỉ niệm học trò thôn quê

- Ngôn ngữ thơ mộc mạc, giản dị, đậm chất quê

- Tình cảm hồn nhiên, trong trẻo của tuổi mới lớn chốn thôn quê…

**Câu 4.** Hiệu quả nghệ thuật của phép tu từ nhân hoá trong những câu thơ:

*Lũ bướm tưởng hoa cài mái tóc,  
Theo về tận cửa mới tan mơ.*

- Bướm cũng như con người cũng bị nhầm tưởng.

- Câu thơ trở nên sinh động, hấp dẫn, gợi hình, gợi cảm.

- Hoạ nên một bức tranh thuần khiết, thơ mộng của tuổi học trò.

**Câu 5.** Những kỉ niệm tuổi thơ gợi lên những suy nghĩ:

- Những kỉ niệm tuổi thơ hồn nhiên, trong sáng, không có ưu tư, phiền muộn. Nhưng tất cả đều đã trở thành quá vãng xa xôi, khiến mỗi chúng ta phải nhớ nhung, tiếc nuối.

- Không ai có thể quay trở về tuổi thơ nhưng mỗi người đều giữ nó trong tim với tất cả sự nâng niu, trân trọng…

**Câu 6. HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số dòng, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy;

-  **Nội dung:** Suy nghĩ về tình yêu tuổi học đường: Tình yêu là gì? Nên hay không nên yêu ở lứa tuổi này?

**Đề số 04: Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi**

**CHÂN QUÊ**

*Hôm qua em đi tỉnh về*

*Đợi em ở mãi con đê đầu làng*

*Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng*

*Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!*

*Nào đâu cái yếm lụa sồi?*

*Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?*

*Nào đâu cái áo tứ thân?*

*Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*

*Nói ra sợ mất lòng em*

*Van em em hãy giữ nguyên quê mùa*

*Như hôm em đi lễ chùa*

*Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.*

*Hoa chanh nở giữa vườn chanh*

*Thầy u mình với chúng mình chân quê*

*Hôm qua em đi tỉnh về*

*Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.*

(*Nguyễn Bính – Thơ và đời*, NXB Văn học, 1996)

**Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ.

**Câu 2.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai? Nêu khái quát tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

**Câu 3.** Chỉ ra những trang phục gắn liền với cô gái thôn quê trong khổ thơ thứ hai.

**Câu 4.** Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung của hai câu thơ sau?

*Nói ra sợ mất lòng em*

*Van em em hãy giữ nguyên quê mùa*

**Câu 5.** Bài thơ *Chân quê* của Nguyễn Bính đem đến cho anh/chị những bài học gì?

**Câu 6.** Từ bài thơ, anh/chị có suy nghĩ gì về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc? Viết đoạn văn trả lời trong khoảng (7 đến 10 dòng).

Gợi ý:

**Câu 1**. PTBĐ chính: Biểu cảm

**Câu 2.**

- Nhân vật trữ tình trong bài thơ là *anh* – một chàng trai

- Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ: bồn chồn mong đợi người yêu/ bất ngờ đến ngỡ ngàng trước sự thay đổi trong cách ăn mặc của người yêu/trách móc, xót xa, đau khổ, nuối tiếc/ thiết tha mong muốn người yêu hãy giữ lấy những truyền thống tốt đẹp, cái gốc mộc mạc, đằm thắm của thôn quê.

**Câu 3.** Những trang phục gắn liền với cô gái thôn quê trong khổ thơ thứ hai:

- Cái yếm lụa sồi.

- Cái dây lưng đũi.

- Cái áo tứ thân.

- Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen.

**Câu 4.** Nội dung của hai câu thơ:

- Nhân vật trữ tình “anh” chứng kiến sự thay đổi của cô gái thôn quê sau khi đi tỉnh về, nhưng không dám nói thật vì sợ mất lòng cô gái, người mà anh yêu thương.

- Nhân vật trữ tình “anh” ý nhị, chân thành, tha thiết mong cô gái hãy giữ nguyên cái mộc mạc, giản dị, chân chất mà đằm thắm chốn thôn quê.

**Câu 5.** Những bài học rút ra qua bài thơ:

- Hãy giữ gìn, trân trọng những truyền thống tốt đẹp, cái mộc mạc, giản dị, đằm thắm làm nên bản sắc văn hóa quê hương.

 - Đừng chạy theo những thứ xa lạ, phù phiếm, hào nhoáng mà vội thay đổi, vì điều đó khiến ta cảm thấy nuối tiếc, xót xa, ân hận…

**Câu 6.** **HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số dòng, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy;

-  **Nội dung:** Suy nghĩ về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

+ Văn hóa là gì?

+ Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa riêng

+ Giữ gìn bản sắc văn hóa cần: bản lĩnh, một mặt phát huy giá trị, mặt khác tiếp thu có chọn lọc…

**DẠNG 3: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

Đề bài: Sức hấp dẫn từ nghệ thuật bài thơ ***Mùa xuân chín*** – Hàn Mặc Tử

**I. Mở bài:**

- Giới thiệu Hàn Mặc Tử và bài thơ *Mùa xuân chín*

- Giới thiệu vấn đề nghị luận: Sức hấp dẫn từ nghệ thuật bài thơ ***Mùa xuân chín***

Ví dụ: Không chối bỏ “xuân”, không “chắn nẻo xuân sang” để rồi mong nhớ “một cánh chim thu lạc cuối ngàn” như Chế Lan Viên của thời “Điêu tàn”, Hàn Mặc Tử luôn tạo ra những mùa xuân như ý trong tưởng tượng của mình, bằng ý muốn chủ quan của mình. Thi phẩm *Mùa xuân chín* phải chăng cũng là mùa xuân ẩn dụ của nhà thơ? Bài thơ mở ra trong cái khoảnh khắc của trời đất, của lòng người bừng nở. Hiện lên trang thơ là bức tranh xuân tràn đầy sức sống và thật thơ mộng. Dường như mỗi con chữ đều có sức gợi tả, gợi sự liên tưởng của một mùa xuân của đời sống thực mà ta đã gặp đã yêu.

**II. Thân bài: Bàn về sức hấp dẫn từ nghệ thuật bài thơ *Mùa xuân chín***

1. **Không gian: đa chiều**

Mở đầu *Mùa xuân chín* là cả một không gian đầy ý vị của mùa xuân. Không gian trong *Mùa xuân chín* thật trong sáng và đầy thơ mộng. Với tài của người nghệ sĩ Hàn Mặc Tử đã tạo ra một không gian thực mà cũng rất ảo, nhiều chiều, vô hạn:

- Không gian trong *Mùa xuân chín* được miêu tả từ “cao- thấp”, “gần- xa”. Đang từ một điểm nhìn lên cao để cảm nhận thấy “làn nắng ửng” trong “khói mơ tan” thì điểm nhìn lại được hạ xuống thấp với hình ảnh “đôi mái nhà tranh”. Từ cái nhìn xa trải rộng “tới trời” không gian được thu lại gần “trên đồi”, từ không gian cao vời “lưng chừng núi” hạ thấp xuống chỉ còn là không gian dưới một khóm trúc.

- Từ “cao- thấp”, “gần- xa”, Hàn Mặc Tử muốn tạo ấn tượng về một không gian mở, trải dài, và trong không gian đó tác giả muốn nhấn mạnh các yếu tố cấu tạo nên bức tranh mùa xuân: nắng ửng, mái nhà tranh, giàn thiên lý, cỏ xanh…

- Mô hình chung về không gian trong *Mùa xuân chín* là mô hình cấu tạo “bên trên- bên dưới”. “Trên” đồng nghĩa với “cao, xa” đó là: nắng ở trên trời, cỏ xanh kéo dài tới tận chân trời, tiếng ca ở lưng chừng núi. Còn “thấp” đồng nghĩa với “gần” qua hình ảnh: đôi mái nhà tranh, giàn thiên lý, cây trúc.

- Như vậy mọi sự vận động trong miêu tả không gian ở thi phẩm *Mùa xuân chín* là sự vận động lên- xuống, vận động theo trục thẳng đứng. Chính sự phối hợp cao với xa, và đặc tính của cái “bên dưới” đã tạo ra một khuynh hướng không gian rộng mở trong *Mùa xuân chín*, càng lên cao thì không gian càng nới rộng hơn. Một bức tranh mùa xuân được trải dài trước mắt bạn đọc. Có sự hài hòa trong không gian xuân Hàn Mặc Tử. Như vậy trục cơ bản “trên dưới” được thi sĩ họ Hàn khai thác tối đa: Trên - Dưới ,nắng ửng trên trời, mái nhà tranh dưới mặt đất, gió trên cao, giàn thiên lý dưới thấp lưng chừng núi ,ngồi dưới trúc. Một không gian vừa gần gũi vừa mới lạ. Thế giới sinh hoạt hàng ngày hiện ra trong dáng vẻ của những hình ảnh, những chi tiết gần gũi, quen thuộc. Bên cạnh khái niệm “trên- dưới” thì đối lập “đóng kín- rộng mở” cũng là dấu hiệu có thực tạo nên cấu trúc không gian văn bản.

- Không gian đóng kín trong *Mùa xuân chín* được diễn giải qua hình ảnh: “ mái nhà tranh” và “ai ngồi dưới trúc”. Hình ảnh “mái nhà tranh” gợi cho người đọc một cảm giác thân thuộc, ấm áp, yên ổn. Còn hình ảnh “ai ngồi dưới trúc” có một cảm giác của một sự khép mình, náu mình.

- Không gian rộng mở được thể hiện qua hình ảnh: “Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời” và “Dọc bờ sông trắng nắng chang chang”. Một không gian xanh non trải dài, và một màu nắng vàng chói chang. Với cách kết hợp miêu tả không gian từ xa tới gần, từ cao xuống thấp, không gian khép kín rồi lại rộng mở Hàn Mặc Tử đã vẽ nên một thế giới mùa xuân riêng biệt cho *Mùa xuân chín*.

**2. Thời gian: biến đổi, vừa thống nhất vừa đối lập**

- Nếu không gian trong *Mùa xuân chín* là sự kết hợp cả thống nhất và đối lập, thì thời gian trong *Mùa xuân chín* cũng là sự thống nhất và đối lập như vậy. Thi sĩ đang say đắm trong thời khắc hiện tại với cảnh phô bày trước mắt và bao cô thôn nữ đang khao khát xuân tình đầy ý vị, thoắt cái đã sang một tương lai vô vị “Ngày mai trong đám xuân xanh ấy/ Có kẻ theo chông bỏ cuộc chơi”. Đương còn lắng nghe những lời thì thầm gần thế, đã sực nhớ đến một ảnh hình trong quá khứ xa thế “Lòng khí bâng khuâng sực nhớ làng/ Chị ấy năm nay còn gánh thóc/ Dọc bờ sông trắng nắng chang chang”. Nét độc đáo trong bài thơ chính là ý thức về thời gian của thi sĩ họ Hàn. Có vẻ như không có gì khác lắm với *Nắng mới* của Lưu Trọng Lư ở sự sống dậy của thời gian quá khứ. Nhưng không phải! Sự riêng biệt của *Mùa xuân chín* bắt đầu và không kết thúc bởi sự hiện diện của “khách xa”. Bài thơ do vậy không có cái trong trẻo của *Nắng mới* mà lại chất ngất những bùi ngùi chỉ có ở những tâm hồn dày dạn cùng gió bụi. Cái kinh nghiệm ấy đã cho nhà thơ khả năng tiên đoán cả về tương lai: Ngày mai trong đám xuân xanh ấy/ Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.

- Sẽ thiếu sót nếu ta không nói thêm sự liên tưởng, sự mở rộng nhiều chiều của thời gian đồng hiện trong *Mùa xuân chín*. Đang miêu tả bức tranh tươi sáng như một nét cười, một nụ hôn đắm say thuần khiết thì đột ngột cái man mác rình rập ở đâu đó hiện về trong ý nghĩ đau đớn của nhà thơ về sự chia lìa: “Ngày mai trong đám xuân xanh ấy/ Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi”. Cái mầm li biệt hiện lên như một tiền định. Cái nỗi niềm đứt ruột này nói hộ một tình yêu, một thứ tình yêu đắm đuối không cùng với cuộc đời mà con người trước dòng chảy của thời gian đã không sao giữ lại nổi. Và cũng từ hiện tại nhà thơ đã nhìn lại quá khứ để nhớ lại hình ảnh: “Chị ấy năm nay còn gánh thóc/ Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?” Ở đây thời gian đã bị “đứt gãy”, “gấp khúc” và dường như nó còn chứa đựng cả tâm trạng nhà thơ. Tài hoa và bạc mệnh là một nghịch lí của biết bao tài tử giai nhân và ở Hàn Mặc Tử điều này thật quá nghiệt ngã đau khổ. Ám ảnh về sự gấp khúc quanh co và “đứt gẫy” trở thành môtip thời gian nghệ thuật trong thơ ông. Đó là những đổi thay bất ngờ, đột ngột. Giữa khung cảnh mùa xuân tươi non rạng rỡ niềm vui, các cô thôn nữ đang say sưa tiếng hát của lễ hội mùa xuân thì đột nhiên nhà thơ liên tưởng đến mặc cảm chia li: “Ngày mai trong đám xuân xanh ấy/ Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi” Đây chính là thời gian đồng hiện, xen lẫn thời gian hiện tại, quá khứ và tương lai theo các trang thái tâm trạng và mặc cảm chia lìa, “đứt gẫy”, một thứ thời gian “gấp khúc” nội tâm của thi nhân. Nó gợi lên sự đột ngột, gấp khúc, đứt gẫy trong cảm giác về thời gian ngắn ngủi của đời người. Ẩn dụ “xuân xanh” xuất hiện, chỉ người con gái đương thì ham sống và vô tư sống. Nhưng nếu xuân của trời đất là vĩnh viễn, còn xuân đời chỉ là giây phút thoáng qua khiến cho ai cũng chạnh lòng. Những nàng thôn nữ kia càng vui tươi, vô tư bao nhiêu trong ngày xuân chín càng khiến chủ thể trữ tình và người đọc chạnh lòng bấy nhiêu. Câu thơ không có chung một ấn tượng như câu thơ của Xuân Diệu: “Xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua/Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già/ Và xuân chết nghĩa là tôi cũng mất…”, song niềm tư lự kia ở Hàn Mặc Tử còn ám ảnh dài lâu hơn những lo âu cuống quýt của hoàng tử thơ tình Xuân Diệu. *Mùa xuân chín* mở đầu bằng thời gian của buổi bình minh khi cái ánh “nắng ửng” của mặt trời dần xua tan đi những làn “khói mơ tan”, và kết thúc cũng bằng hình ảnh của nắng nhưng không phải là “nắng ửng” của buổi bình minh mà là cái nắng “chang chang” của buổi trưa. Bước đi của thời gian trong *Mùa xuân chín* thật độc đáo và cũng rất gợi tình.

**3. Ngôn ngữ: trong sáng, gợi cảm**

- Tiêu đề “Mùa xuân chín” buộc ta phải nghĩ gợi để tìm ra một cách hiểu. “Mùa xuân” tại sao lại “chín”! Phải chăng mùa xuân là trái trên cây, là quả trên cành. “Chín”- là trạng thái mời mọc của sự vật, là đương thì, là sung sức…*Mùa xuân chín* là mùa xuân ở vào thời điểm đẹp nhất, xuân nhất, non tơ nhất, phơi phới nhất. Và với chỉ từ “chín” này cũng đã phần nào gợi lên liên tưởng cho người đọc một mùa xuân với đầy đủ sức hấp dẫn của nó. Ngôn ngữ vốn là phương tiện để giao tiếp nhưng qua sự sắp xếp , kết hợp của nhà thơ ngôn ngữ lại góp phần tạo nên những bức tranh hiện thực. Hàn Mặc Tử đã sử dụng ngôn ngữ với tư cách là chất liệu của một thứ nghệ thuật đã viết nên câu thơ giàu chất tạo hình. Lúc này ý nghĩa trực tiếp của ngôn ngữ đã bị đẩy lùi, mọi chú ý của chúng ta sẽ được tập trung vào cái ý nghĩa nó thay thế trong tương quan ngôn ngữ thơ.

- Một điều dễ nhận thấy trong *Mùa xuân chín* là nghệ thuật điệp. Nghệ thuật điệp xuất hiện với tần suất cao với nhiều hình thức điệp. Có thể nói Hàn Mặc Tử đã sử dụng khá thành công nghệ thuật này trong thi phẩm.

+ Trước hết là nghệ thuật điệp nguyên âm. Các nguyên âm được xuất hiện và lặp lại ở các thời điểm gần nhau trong cùng một chiết đoạn: *Trong làn nắng ửng khói mơ tan/ Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi/ Lòng trí buâng khuâng sực nhớ làng/ Dọc bờ sông trắng nắng chang chang*

+ Và Hàn Mặc Tử cũng đã sử dụng tối đa các từ láy âm. Các từ láy âm thường cho ấn tượng nhòe, vang và hạn chế, tạo ra những ấn tượng âm thanh bao giờ cũng khó xác định hơn những ấn tượng về nghĩa. Các từ láy âm: lấm tấm, sột soạt, vắt vẻo, hổn hển, thầm thì, buâng khuâng, chang chang… Tần suất láy âm cao, càng về khổ cuối số từ láy âm xuất hiện nhiều hơn đã góp phần làm cho nền bài thơ nhòe đi. Phải chăng cái đẹp của *Mùa xuân chín* tùy thuộc rất nhiều vào tần số xuất hiện của các từ láy âm này? Đọc *Mùa xuân chín* ta không chỉ cảm thấy cảnh xuân, sắc xuân mà dường như ở trong đó còn có cả âm thanh, nhạc điệu của mùa xuân. Vậy nhờ đâu mà ta cảm nhận thấy âm thanh ấy? “Tính nhạc ở trong thơ là do nguyên âm, phụ âm đem lại”. Các phụ âm vang trong Tiếng việt bao gồm: m, n, nh, ng. Các câu thơ trong *Mùa xuân chín* sở dĩ “đầy nhạc” như ta cảm nhận thấy là vì có sự tập trung dày đặc các nguyên âm mở và các phụ âm vang: *Trong làn nắng ửng khói mơ tan/ Đôi mái nhà trang lấm tấm vàng* … *Ngày mai trong đám xuân xanh ấy …. Lòng trí buâng khâng sực nhớ làng … Dọc bờ sông trắng nắng chang chang.* Chính tính âm nhạc này đã là một phần quan trọng trong việc tác thành giá trị và nghệ thuật của thi sĩ họ Hàn.

+ Âm điệu kết hợp với thể thơ 7 chữ trong *Mùa xuân chín* đã giúp đem lại kết quả lưu trữ, truyền đạt cho thi phẩm, đem lại sức sống trường tồn cho thi phẩm. “Nếu nhịp điệu vĩnh viễn trường tồn thì làm sao thơ ca bị tiêu diệt được”

**4. Giọng điệu: trong sáng, ý vị**

- Giọng điệu trong sáng ấy là âm điệu của ca dao xứ Huế và miền Trung, giọng dân gian mộc mạc, trong sáng hồn nhiên tạo nên âm hưởng khúc nhạc dân gian trong sáng, vui tươi. Do vậy bài thơ có tiếng vang, như âm sắc người nghe như thả hồn trôi theo dòng nhạc trong sáng, láy đi láy lại mà cảm nhận ý tứ ý thơ.

**5. Cái tôi trữ tình: hòa điệu vào thiên nhiên, cuộc sống và nhiều trắc ẩn**

- Vũ trụ thiên nhiên với gió, mây, nước, sông, hoa cỏ…hiện ra thân thuộc, trong trẻo, sáng đẹp một cách huyền thoại: *Trong làn nắng ửng khói mơ tan/ Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng/ Sột soạt gió trêu tà áo biếc/ Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang.*

- Từ một không gian non tơ: *Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời*, cảnh nước mây, sông trắng, nắng vàng…tất cả đều được tắm gội trong luồng không khí trinh bạch nguyên sơ của thiên nhiên, chưa hề nhuốm một chút bụi trần.

- Cái Tôi trữ tình của Hàn Mặc Tử giao hòa thân thiết với thiên nhiên cuộc sống

- Cái Tôi đầy trắc ẩn của nhân vật trữ tình- khách xa- bắt đầu bằng tiếng hát của những nàng thôn nữ đang ở độ tuổi xuân sắc trên đồi xuân chín. Tiếng hát đã gợi suy nghĩ về con người, về cuộc đời trong cái “hữu- vô” để rồi nhà thơ bất ngờ đưa ra một tuyên đoán ngậm ngùi: *Ngày mai trong đám xuân xanh ấy/ Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.* Cái “ngày mai” đã thành quy luật bởi “Xuân đang tới nghĩa là xuân đang qua- Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già” thế mà “khách xa” lại bỗng dưng buồn. Và với một niềm trắc ẩn mà tiếng ca xuân được cảm nhận như mang đầy tâm trạng: *Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi/ Hổn hển như lời của nước mây… Thầm thì với ai ngồi dưới trúc/ Nghe ra ý vị và thơ ngây…* Vậy “nghe ra” nhiều điều “ý vị và thơ ngây” từ tiếng ca vắt vẻo, hổn hển, thầm thì…là nghe ra những suy tư, ngậm ngùi…Nghĩ đến người mà nhớ đến mình ư? Có thể lắm chứ! Hơn nữa nhân vật trữ tình là “khách xa” sao khỏi chạnh lòng. Lời thơ đến đây thành thực, thiết tha, nặng trĩu nỗi ưu tư: *Khách xa gặp lúc mùa xuân chín/ Lòng trí bâng khuâng sực nhớ làng.* Dường như “ý nghĩa khuất khuất” của bài thơ ẩn khuất trong tâm trạng “bâng khuâng”, trong nỗi nhớ xa quê mang nặng một mối tình. Sự gặp gỡ của cảnh và tình cộng hưởng làm vỡ òa xúc cảm mà bật thành lời: *Chị ấy năm nay còn gánh thóc/ Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?* “Chị ấy” là ai mà đến ngay khi “sự nhớ nhà”. Người xưa ấy ắt hẳn phải để lại trong lòng nhà thơ những ấn tượng sâu đậm lắm nên bài thơ mới khép lại bằng đôi câu thơ đẹp lạ lùng, đọc lên như rưới vào hồn một nguồn sáng láng. Từ cảm giác về một bờ sông cát trắng, ngập nắng chang chang ta cảm nhận được nỗi vất vả, nhọc nhằn mà sáng trong của “chị ấy”. Có nhiều người đã đặt ra câu hỏi “chị ấy là ai?”. Câu hỏi này cũng thật khó trả lời cho rõ ràng. Có thể “chị ấy” là một người con gái mới lớn thủa nào, cũng có thể chị ấy là một thiếu phụ nhà quê. Dù là ai “chị ấy” rõ ràng là một con người xác định với chủ thể trữ tình, là một người không phiếm chỉ thân thương.

**6. Màu sắc: phối màu tinh tế**

- Nét vẽ thứ nhất cái đặt bút đầu tiên trên cái nền “khói mơ tan” và phơn phớt màu “nắng ửng” nghĩa là rất mơ hồ ấy là “Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng”. Đó là gam màu đệm vẫn rất gần cái sắc màu hư ảo ở trên để trở thành một tổng thể nhạt nhòa chưa định hình rõ nét. Màu vàng ở đây là của rơm rạ, ruộng đồng mà biết đâu không phải là mấy vùng trăng còn sót lại do bầu trời ngẩn ngơ cố tình lưu giữ? Cái thực và cái ảo cứ xen kẽ, xâm nhập, đan cài vào nhau mông lung, mơ màng để tự nó sẽ thức dậy theo con sóng thời gian chập chờn ở phía sau xô đẩy.

- Nét thứ hai là khi nhà họa sĩ tài hoa và mộng mơ quyết định chấm vào đó một nét rờn xanh. Cái đốm xanh nõn nà, mềm mượt vừa hiện ra đã cựa quậy: “Sột soạt gió trêu tà áo biếc”. Đó là tín hiệu mùa xuân, cái chồi búp ngọt ngào hiện ra trên cái tàn đông lạnh giá. Chiếc áo mùa xuân đẹp thế đang muốn lẩn tránh đi vì nó quá rực rỡ qua nổi bật, còn cô gái xuân lại dịu dàng, e thẹn biết bao. Song càng e lệ giấu mình thì cơn gió thóc mách kia lại càng vô tâm biết mấy. Nó dồn lại, túm lại trước “tà áo biếc” để trêu trọc, phơi bày. Phải chăng cái “nắng ửng ” trên kia đã dự báo cho cái phút ngỡ ngàng này, sẽ là cái màu thẹn, cái màu làm duyên trên đôi má hồng của nàng xuân? Cửa xuân vốn khép kín trong mấy tháng lạnh lẽo, héo hon vì chờ đợi đã mở ra “Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang”. Trên bức tranh lụa, cái bút lông của người nghệ sĩ đã có đà, nó đã có hồn và bắt đầu cất cánh. *Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời/ Bao cô thôn nữ hát trên đồi*. Màu xanh bằng cái nét chấm phá ở trên tưởng chừng đã đủ. Nhưng mà không! Chưa ai bạo tay như Hàn Mặc Tử , dường như để phá vỡ tất cả, nếu cần- cả sự cân đối thăng bằng, độ đậm nhạt vì sự thôi thúc nội tâm ông vẫn sẵn sàng. Vì vậy mà một màu xanh khác lại xuất hiện, đột ngột và bướng bỉnh. Và lần này không phải một đốm, một nét mà lại là cả một mặt bằng mênh mông của cỏ. Ngồn ngộn một màu xanh thèm khát mà con người chỉ dám mơ ước đã tươi rói hiện ra hào phóng, vô tư, vẫy gọi, chào mời… “Sóng cỏ” gợi một hình ảnh bay lượn hơn, sống động hơn, nó đang vỗ bờ nhịp từng bồi hồi từ một trái tim mênh mông đa tình, đa cảm.

**7. Tứ thơ: được xây dựng trên những ấn tượng vừa thực vừa mơ hồ**

- Mạch thơ của chàng “thi sĩ Thơ điên” Hàn Mặc Tử trôi chảy theo một dòng tâm tư hoàn toàn bất định khước từ sự dẫn dắt của lôgic lí trí. Tác phẩm của Hàn Mặc Tử rất khác: đã “phi tự sự” lại còn “phi lôgic”. Tất cả đều có vẻ thiếu mạch lạc. Về thực chất, đó là kiểu liên kết siêu lôgic rất đặc trưng của “Thơ điên”.

- Toàn bài là một dòng tâm tư đầy những bất chợt cứ trôi chảy với hai biểu hiện trái chiều: mạch phía trên thì theo liên tưởng tán lạc, mạch tâm tư bên dưới thì theo cảm xúc nhất quán- nhưng là sự nhất quán đầy ẩn khúc chứ không hề giản đơn. Và trong *Mùa xuân chín* có một câu thơ dường như muốn tiết lộ cho chúng ta về khía cạnh ấy của thơ Hàn Mặc Tử: *Lòng trí bâng khuâng sực nhớ làng.* “Sực nhớ” tức là những khoảnh khắc bất chợt, bất thần, vụt hiện, ngẫu nhiên. Dòng tâm tư bất định trong thơ Hàn Mặc Tử chính là một chuỗi những “sực nhớ” như thế. Các hình ảnh trôi trên bề mặt của dòng tâm tư là những ấn tượng, những kỉ niệm vụt hiện nhưng tất cả những hình ảnh bất chợt, đầy ngẫu nhiên ấy lại đan bện vào cùng một nỗi niềm đang miên man chuyển hóa, vần vụ. Như vậy, “phi lôgic” về bề mặt song lại lôgic ở bề sâu chính là bản tướng của cái hình thái được gọi bằng “siêu lôgic” của Hàn Mặc Tử.

**8. Cảm xúc:** **mạch cảm xúc vận động theo hướng đứt gãy**

- Trong *Mùa xuân chín* mạch cảm xúc không được triển khai theo kiểu cứ tăng tiến mãi một chiều mà vận động theo lối đứt gãy rồi chuyển điệu đột ngột tựa như bất ngờ chuyển kênh. Bài thơ có 4 khổ thì ba khổ thơ đầu nghiêng về diễn tả vẻ rạo rực xuân tình trong cảnh vật và trong lòng người. Thế rồi trạng thái rạo rực đang dồn đẩy tới thoắt chuyển thành trạng thái bâng khuâng.

- *Mùa xuân chín* mạch cảm xúc vì thế có tới hai cao trào: Rạo rực thì đến mức “hổn hển”- “Hổn hển như lời của nước mây”, còn bâng khuâng thì đến thành xa vắng- “Lòng trí bâng khuâng sực nhớ làng”. Mới vừa “rạo rực” thoắt đã “bâng khuâng”, vừa ngây ngất yêu đời đã da diết thương đời. Đó chính là mạch chuyển lưu cảm xúc trong *Mùa xuân chín* và cũng là lối liên kết độc đáo của *Mùa xuân chín* nói riêng và *Thơ điên* Hàn Mặc Tử nói chung.

**III. Kết bài:**

***Mùa xuân chín*** là một thi phẩm đặc sắc về mùa xuân và tình xuân. Tình xuân không chỉ chín trong cảnh vật mà còn chín trong con người. Thành công của thi phẩm chính là nhờ sự sáng tạo và sự vận dụng nghệ thuật rất linh hoạt và uyển chuyển của tác giả. Bài thơ hay và giản dị đến tận cùng, với những không gian thời gian, ngôn ngữ, màu sắc đầy ấn tượng. Bài thơ đã cho ta thấy cái tài của Hàn Mặc Tử là nói được một cách giản dị những điều ai cũng cảm thấy nhưng không thể diễn tả được đó chính là vẻ đẹp của một *Mùa xuân chín*.

**C. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY:**

- Về nội dung:....................................................................................................................

- Về phương pháp:.............................................................................................................

- Về thời gian:....................................................................................................................

- Về HS:............................................................................................................................

*Lang Chánh, ngày tháng năm 2022*

**TTCM THÔNG QUA**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phạm Thị Nghị**

**NGƯỜI SOẠN BÀI**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Đinh Thị Linh**

**DUYỆT CỦA BGH**

(Ký tên và đóng dấu)

Tiết 20-21:

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: BẢN HÒA ÂM NGÔN TỪ TRONG TIẾNG THI CỦA LƯU TRỌNG LƯ - CHU VĂN SƠN VÀ ĐỌC MỞ RỘNG KẾT NỐI VIẾT**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Tác giả Lưu Trọng Lư**

- Được xem là một trong những thi sĩ đầu tiên khởi xướng và tích cực cổ vũ cho phong trào Thơ mới.

- Được ghi nhận là hồn thơ sầu mộng, ngôn ngữ thơ giản dị, tự nhiên, dễ gợi sự cảm động.

**2. Tác giả Chu Văn Sơn**

- 1962 - 2019

- Quê ở Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, ông học trường cấp 3 chuyên Hàm Rồng, từng đoạt giải đặc biệt trong kì thi chọn học sinh giỏi Văn toàn quốc.

- Ông giảng dạy tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội, là nhà nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại. Ngoài ra còn là nhà văn, nhà lý luận, nhà phê bình văn học xuất sắc,...

**- Phong cách sáng tác:**

+ Say mê cái đẹp là bản năng trong hành trình tìm cảm hứng sáng tác của ông.

+ Là người có tư duy văn học rất mới, đầy nhạy cảm. Với Chu Văn Sơn, văn chương là thế giới muôn màu, là điệu hồn muôn điệu của những âm thanh cuộc sống đã được người nghệ sĩ tài năng phát hiện căn chỉnh xếp đặt ngôn từ đúng giọng điệu, đúng thang bậc tần số để phát ra thứ âm thanh bằng ngôn ngữ rung động quyến rũ lòng người.

+ Trong sáng tác, xuất phát từ quan điểm nhận thức về cái đẹp, say cái đẹp đến khát khao, Chu Văn Sơn như con ong cần mẫn hút nhụy hương để kết tinh cho đời một thứ văn chương mà chúng ta không bao giờ quên, đó là tinh hoa của trời đất, tinh hoa của tạo hóa  ban tặng con người.

**- Các tác phẩm chính** **đã xuất bản:** *Ba đỉnh cao Thơ mới*: *Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử* (2005), *Thơ – điệu hồn và cấu trúc* (2007), *Tự tình cùng cái Đẹp* (2019).

**3. Tìm hiểu chung về tác phẩm**

**- Xuất xứ**: Trích “Thơ – điệu hồn và cấu trúc” (2007)

**- Thể loại:** Phê bình văn học

**- Phương thức biểu đạt chính:** Nghị luận

**- Nội dung:** Vẻ đẹp của một bài Thơ mới: bài thơ *Tiếng thu*

**- Nhan đề** *Bản hòa âm*: Sự hài hòa về thanh âm, nhạc điệu của tiếng thu và tiếng thơ

**- Bố cục:** Ba phần: Giới thiệu – Triển khai – Kết

**4. Giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm**

***a. Giá trị nội dung***

- Văn bản thể hiện được những giá trị tiêu biểu và xuất sắc trong việc sử dụng ngôn từ của Lưu Trọng Lư thể hiện trong tác phẩm *Tiếng thu* ở nhiều phương diện như bố cục, âm điệu, âm hưởng, tiết tấu, vần nhịp,...

- Bên cạnh giá trị của bài thơ, tác giả cũng chỉ ra được tài năng của Lưu Trọng Lư trong sáng tác thơ ca, sử dụng và vận dụng ngôn từ để cho thấy được cái hồn, cái đẹp của ngôn từ.

- Văn bản thể hiện sự ngợi ca, trân trọng và ngưỡng mộ của tác giả Chu Văn Sơn với nhà thơ Lưu Trọng Lư, cho thấy sự yêu quý và tình cảm của ông đối với những người có tài, vận dụng được sức mạnh của ngôn từ trong sáng tác.

***b. Giá trị nghệ thuật***

- Văn bản trình bày các luận điểm rõ ràng, chi tiết, thuyết phục, có tính liên kết.

- Các luận điểm bổ sung và hỗ trợ cho nhau, có luận cứ và dẫn chứng đi kèm, tạo nên một hệ thống luận điểm logic, có sức thuyết phục cao.

- Giọng văn rành mạch, lưu loát, phù hợp với bài văn nghị luận nhưng vẫn ẩn chứa cảm xúc, truyền cảm hứng và có tác động mạnh mẽ tới người đọc

**II. LUYỆN ĐỀ**

**DẠNG 1.** **DẠNG ĐỀ TRẮC NGHIỆM:**

**Câu 1:** Cái tĩnh trong thiên nhiên xưa không mang đặc điểm nào sau đây?:

A. Gốc của động; gốc của sự vận động trong tạo vật

B. Trạng thái vĩnh viễn, là nét đẹp vĩnh hằng của tạo vật thiên nhiên trường cửu không di dịch.

C. Một đặc tính vẻ đẹp thiên nhiên trong nghệ thuật cổ điển

D. Một thế giới riêng vừa mơ hồ vừa hiển hiện mà người ta chỉ nắm bắt được bằng thi cảm

**Câu 2:** Cái xôn xao trong thơ mới không có biểu hiện nào sau đây:

A. Sức sống tiềm tàng chất chứa bên trong lòng tạo vật, sự sống bí mật đầy xôn xao trong lòng thiên nhiên

B. Biến thái tinh vi và bí mật

C. Một thế giới riêng vừa mơ hồ vừa hiển hiện mà người ta chỉ nắm bắt được bằng thi cảm

D. Cái tĩnh đầy an nhiên minh triết

**Câu 3:** “Tiếng thu” là điều gì sau đây?

A. Một âm thanh riêng rẽ

B. Một tập hợp giản đơn nôm na của nỗi thổn thức trong đất trời, nỗi xào xạc trong lòng người và tiếng xào xạc của lá rừng

C. Một điệu huyền, một bản hòa âm vừa mơ hồ vừa hiển hiện của bao nỗi xôn xao ngấm ngầm trong lòng tạo vật đang hòa điệu với nỗi xôn xao huyền diệu của hồn thi nhân

D. Một khúc ca trong tâm hồn thi nhân

**Câu 4:** Điệp khúc trong bài “Tiếng thu” là:

A. Em không nghe

B. Em có nghe

C. Em nghe chăng

D. Em đang nghe

**Câu 5:** Ba thứ tiếng của mùa thu trong bài “Tiếng thu” là

A. Tiếng thổn thức của thu dưới trăng mờ, tiếng rạo rực của lòng người cô phụ, tiếng lá thu kêu xào xạc

B. Tiếng thổn thức của thu dưới trăng mờ, tiếng rạo rực của lòng người cô phụ, tiếng chim chiều khắc khoải giữa trời thu

C. Tiếng rạo rực của lòng người cô phụ, tiếng chim chiều khắc khoải giữa trời thu, tiếng lá thu kêu xào xạc

D. Tiếng chim chiều khắc khoải giữa trời thu, tiếng rạo rực của lòng người cô phụ, tiếng lá thu kêu xào xạc

**DẠNG 2. THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*Thơ mới không thế! Nếu như gom toàn bộ Thơ mới lại để mà lắng nghe, thì cái âm hưởng đặc trưng nhất vang lên từ đáy hồn thơ mới chính là tiếng XÔN XAO. Các thi sĩ Thơ mới ít nhìn thiên nhiên bằng cái nhìn chiêm nghiệm. Họ muốn vào dò la cái sự sống tiềm tàng chất chứa bên trong lòng tạo vật. Bằng mối liên hệ tương ứng vi diệu giữa tâm hồn cá nhân và tâm hồn tạo vật, họ đã khám phá ra sự sống bí mật đầy xôn xao trong lòng thiên nhiên. Bên trong mỗi tạo vật kia chất chứa bao biến thái tinh vi và bí mật. Bên trong mỗi tạo vật là cả một thế giới riêng vừa mơ hồ vừa hiển hiện mà người ta chỉ nắm bắt được bằng thi cảm: thế giới huyền diệu! Nó là* *cái cựa mình của nụ hoa, tiếng thở dài của lá, là nỗi rạo rực của nhụy phấn, tiếng đập cánh của những giấc mơ, tiếng rung của những đường trăng, là tiếng ngân của những làn ánh sáng, là sự hổn hển nước mây, là sự run rẩy bâng khuâng của thứ nắng lỡ thì,. .. Thế giới Thơ mới là vạn vật lên men say, là tạo vật ở trạng thái thăng hoa. Vì thế mà XÔN XAO đã thành điệu hồn riêng của Thơ mới.*

(Chu Văn Sơn, *Thơ – điệu hồn và cấu trúc*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 45-53)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

**Câu 2.** Theo tác giả điệu hồn riêng của Thơ mới là điều gì?

**Câu 3.** Chỉ ra những biểu hiện cụ thể của thế giới riêng vừa mơ hồ vừa hiền hiện mà người ta chỉ nắm bắt được bằng thi cảm trong Thơ mới.

**Câu 4.** Theo tác giả các nhà Thơ mới đã tiếp cận thiên nhiên theo cách nào?

**Câu 5.** Tác giả cảm nhận về trạng thái thiên nhiên tạo vật trong Thơ mới như thế nào?

**Câu 6.** Viết đoạn văn (7-8 dòng) về cái xôn xao trong một bài Thơ mới mà em yêu thích.

Gợi ý:

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên: Nghị luận

**Câu 2.** Theo tác giả điệu hồn riêng của Thơ mới là là 2 chữ XÔN XAO

**Câu 3.** Những biểu hiện cụ thể của thế giới riêng vừa mơ hồ vừa hiển hiện mà người ta chỉ nắm bắt được bằng thi cảm trong Thơ mới: cái cựa mình của nụ hoa, tiếng thở dài của lá, là nỗi rạo rực của nhụy phấn, tiếng đập cánh của những giấc mơ, tiếng rung của những đường trăng, là tiếng ngân của những làn ánh sáng, là sự hổn hển nước mây, là sự run rẩy bâng khuâng của thứ nắng lỡ thì,. ..

**Câu 4.** Các nhà Thơ mới đã tiếp cận thiên nhiên theo cách:

+ Nhìn thiên nhiên bằng cái nhìn chiêm nghiệm.

+ Dò la cái sự sống tiềm tàng sức chứa bên trong lòng tạo vật.

+ Họ đã khám phá ra sự sống bí mật đầy xôn xao trong lòng thiên nhiên

**Câu 5.** Tác giả cảm nhận về trạng thái thiên nhiên tạo vật trong Thơ mới: vạn vật lên men say, tạo vật ở trạng thái thăng hoa

**Câu 6.** Viết đoạn văn (7-8 dòng) về cái xôn xao trong một đoạn thơ mới mà em yêu thích

**HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số dòng, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy;

- **Nội dung:** Cái xôn xao trong một bài thơ mới mà em yêu thích

Ví dụ: Mùa xuân trong thơ Hàn Mặc Tử có cái cựa mình rất chín. Lắng nghe ta sẽ thấy tiếng sương tan nhè nhẹ trong làn nắng mới vừa ửng nơi chân trời. Cái lấm tấm vàng nơi mái nhà tranh cũng mang theo chút rạo rực của ngày mới. Đặc biệt làn gió xuân bỗng trở nên tình tứ, lả lơi mà sột soạt theo tà áo biếc buổi xuân thì. Cái chín của xuân là bước đi, là hơi thở, là sự dịch chuyển vô hình hay chính là cái xôn xao của thời gian? Cả đoạn thơ đưa người đọc đến với cái đẫy đà, ngọt ngào, tròn đầy của một mùa xuân vừa đến độ. Hàn Mặc Tử đã cất một mẻ rượu xuân mà làm say biết bao người mắc nghiện làn thơ của thi sĩ.

**C. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY:**

- Về nội dung:....................................................................................................................

- Về phương pháp:.............................................................................................................

- Về thời gian:....................................................................................................................

- Về HS:............................................................................................................................

*Lang Chánh, ngày tháng năm 2022*

**TTCM THÔNG QUA**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phạm Thị Nghị**

**NGƯỜI SOẠN BÀI**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Đinh Thị Linh**

**DUYỆT CỦA BGH**

(Ký tên và đóng dấu)

**Tiết 22-23:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: LỖI DÙNG TỪ, LỖI VỀ TRẬT TỰ TỪ VÀ CÁCH SỬA**

**I. NHẮC LẠI LÍ THUYẾT:** Nhắc lại kiến thức về sửa lỗi trật tự từ:

Nhận diện lỗi và hình thành kĩ năng sửa lỗi

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **LOẠI LỖI** | **BIỂU HIỆN** | **CÁCH SỬA** |
| **Lỗi lặp từ** | Trường hợp một từ ngữ được dùng nhiều lần trong một câu, một đoạn khiến câu, đoạn đó trở nên nặng nề, rườm rà được coi là lỗi lặp từ.   * **Chú ý:**     Lỗi này có thể bị nhầm với phép lặp trong liên kết câu và lặp tu từ (điệp ngữ) mà bạn đã học. Đây là loại lỗi thể hiện sự vụng về, thiếu cẩn thận trong việc sử dụng ngôn ngữ. | Bỏ từ ngữ bị lặp hoặc thay bằng đại từ hay từ ngữ đồng nghĩa. |
| **Lỗi dùng từ không đúng nghĩa** | Người viết không hiểu đúng nghĩa của từ ngữ khi mình dùng, nhất các thành ngữ, từ Hán Việt, thuật ngữ khoa học. | Cần biết sử dụng thường xuyên từ điển tiếng Việt, từ điển Hán Việt, từ điển thuật ngữ chuyên ngành có uy tín |
| **Lỗi dùng từ không đúng PCNN của kiểu, loại văn bản** | Do người viết chưa ý thức được những ràng buộc của ngữ cảnh hay tính đặc thù của kiểu loại văn bản, từ đó lựa chọn từ ngữ không thích hợp, làm giảm hiệu quả giao tiếp. | Người viết cần phải quan tâm thực sự đến hoàn cảnh giao tiếp, nắm vững đặc điểm phong cách ngôn ngữ của kiểu, loại văn bản được sử dụng. |
| **Lỗi trật tự từ** | Nhiều cụm từ, câu trong tiếng Việt chỉ khác nhau do trật tự sắp xếp giữa các từ   * **Chú ý:**   - Lỗi này có thể nhầm với biện pháp tu từ đảo ngữ trong sáng tác văn học. Trong văn học  đảo ngữ là biện pháp thay đổi trật tự từ so với quy tắc ngữ pháp làm tăng hiệu quả biểu đạt cho lời văn nghệ thuật.  - Trong giao tiếp thông thường các từ trong câu cần được sắp xếp theo trình tự đúng với quy tắc ngữ pháp. Nếu không tuân thủ thì câu bị coi là mắc lỗi này. | Cần phải nắm vững quy tắc ngữ pháp, hiểu được mục đích giao tiếp. Đặc biệt, cần thường xuyên luyện tập cách sử dụng tiếng Việt. |

**II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**DẠNG 1. TRẮC NGHIỆM: Em hãy lựa chọn một đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.** Từ nào thích hợp điền vào chỗ trống: .............tỏ ra kiêu ngạo và lạnh nhạt, ra vẻ không thèm để ý đến người đang tiếp xúc với mình.

**A. Khinh khỉnh**

B. Khinh bạc

C. Ghen ghét

D. Yêu quý

**Câu 2.** Từ nào thích hợp điền vào chỗ trống: .............: nhanh, gấp và có phần căng thẳng.

A. Khẩn thiết

**B. Khẩn trương**

C. Bình tĩnh

D. Không dùng được từ nào trong các từ trên

**Câu 3.** Từ nào dùng sai trong câu sau: Làm sai thì cần thực thà nhận lỗi, không nên bao biện.

A. Làm sai

**B. Thực thà**

C. Nhận lỗi

D. Bao biện

**Câu 4.** Hiệu quả diễn đạt của trật tự từ trong câu thơ "*Xanh xanh bãi mía bờ dâu*" (Hoàng Cầm, *Bên kia Sông Đuống*) là gì?

A. Nhằm miêu tả vẻ đẹp của bãi mía bờ dâu.

**B. Nhằm nhấn mạnh màu xanh tràn đầy sức sống của bãi mía bờ dâu.**

C. Nhằm giúp người đọc hình dung ra màu sắc của bãi mía bờ dâu.

D. Cả A, B, C đều sai.

**Câu 5.** Trật tự của câu nào thể hiện trước sau theo thời gian ?

**A. Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập. (Nguyễn Trãi)**

B. Đám than đã vạc hẳn lửa. (Tô Hoài)

C. Tôi mở to đôi mắt, khẽ reo lên một tiếng thú vị. (Nam Cao)

D. Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. (Nguyên Hồng)

**Câu 6.** Trật tự từ của câu nào nhấn mạnh đặc điểm của sự vật được nói đến ?

A. Sen tàn cúc lại nở hoa. (Nguyễn Du)

B. Những buổi trưa hè nắng to. (Tô Hoài)

**C. Lác đác bên sông chợ mấy nhà. (Bà Huyện Thanh Quan)**

D. Tràng thở đánh phào một cái, ngực nhẹ hẳn đi. (Kim Lân)

**Câu 7.** Trật tự từ của dòng thơ nào góp phần tạo nên tính nhạc ?

A. Tranh Đông Hồ gà lơn nét tươi trong - Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp. (Hoàng Cầm)

**B. Con lại về quê mẹ nuôi xưa - Một buổi trưa nắng dài bãi cát. (Tố Hữu)**

C. Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối - Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan. (Thế Lữ)

D. Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm - Heo hút cồn mây súng ngửi trời. (Quang Dũng)

**Câu 8.** Cho câu văn: “*Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn”* (Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*). Cách thay đổi vị trí cụm từ “nhanh như cắt” nào dưới đây làm biến đổi ý nghĩa của câu văn trên nhiều nhất ?

A. Chị Dậu nhanh như cắt nắm ngay được gậy của hắn.

B. Chị Dậu nắm nhanh như cắt gậy của hắn.

C. Chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn nhanh như cắt.

**D. Nắm ngay được gậy của hắn, chị Dậu nhanh như cắt.**

**Câu 9.** Vì sao tác giả lại đảo cụm từ “nhanh như cắt” lên trước cụm chủ - vị trong câu văn “*Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn”* (Ngô Tất Tố, *Tắt đèn*)?

A. Để ca ngợi sự phản kháng quyết liệt của chị Dậu.

**B. Để tô đậm hơn độ nhanh trong hành động nắm được gậy của chị Dậu.**

C. Để câu văn có sự hài hoà về mặt ngữ âm.

D. Ca A, B C đều sai.

**Câu 10** Tìm hiện tượng thay đổi trật tự thành phần câu trong hai câu thơ sau:

*"Con đường nhỏ nhỏ, gió xiêu xiêu*

*Lả lả cành hoang, nắng trở chiều.”*

A. Con đường nhỏ nhỏ

B. Gió xiêu xiêu

**C. Lả lả cành hoang**

D. Nắng trở chiều

**DẠNG 2: TỰ LUẬN**

**Bài tập 1:**  **Phân biệt nghĩa các từ:**

1/Phong thanh – phong phanh

2/Tri thức – trí thức

3/Yếu điểm – điểm yếu

4/Bàng quan – bàng quang

5/Bất trắc - Bất chắc

6/Bạt mạng - Bạc mạng

7/Vô hình trung - Vô hình chung

Gợi ý:

1/Phong thanh – phong phanh

- Phong thanh: (tin tức) thoáng nghe được, chưa thật rõ ràng, chưa chắc chắn ;

- Phong phanh: (quần áo mặc) ít và mỏng, không đủ ấm;

2/Yếu điểm – điểm yếu

- Yếu điểm: điểm quan trọng nhất, (Từ điển Tiếng Việt, tr. 1490)

- Điểm yếu: có mức độ, năng lực hoặc tác dụng ít, kém so với bình thường.

3/Tri thức – trí thức

- Tri thức (danh từ): những điều hiểu biết có hệ thống về sự vật, hiện tượng tự nhiên hoặc xã hội/ tri thức khoa học, kinh tế tri thức

- Trí thức (danh từ): Người chuyên làm việc lao động trí óc và có tri thức chuyên môn cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp của mình/ giới tri thức, một nhà trí thức yêu nước

4/Bàng quan – bàng quang

- Bàng quan: tự coi mình là người ngoài cuộc, coi là không dính líu đến mình, (Từ điển tiếng Việt, tr.45)

- Bàng quang: bọng đái

5/Bất trắc - Bất chắc

- Bất trắc: sự việc không hay, không liệu trước được

- Bất chắc: không có nghĩa

6/Bạt mạng - Bạc mạng

- Bạt mạng: liều lĩnh, bất chấp tất cả) chứ không có

- Bạc mạng: không có nghĩa chỉ có

7/Vô hình trung - Vô hình chung

- Vô hình trung: tuy không chủ ý chủ tâm nhưng tự nhiên lại là như thế)

- Vô hình chung: không có nghĩa

**Bài tập 2:**  Tìm và sửa lỗi dùng từ trong các câu sau

(1)Đội trẻ MU: Tương lai sáng lạng (Tít bài trên http://www.vietbao.vn)

(2) Ross Brawn tin vào tương lai sáng lạn của Mercedes GP (Tít bài trên http://www.baomoi.com)

(3) Có chủ động quản lý được tiến độ, chất lượng công trình hay không? Có hay không có thái độ bàng quang, vô cảm đối với vấn đề chậm tiến độ, ai cũng cho đó là việc làm bình thường? Chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư kiểm điểm vấn đề này, còn cấp trên của chủ đầu tư thì sao?

(4) Cần cọ sát thực tiễn khi đào tạo nghề luật sư (http://www.phapluatvn.vn)

(5) Bảo hiểm và cuộc marathon dành giật thị phần (http://cafef.vn )

(6) Cú truyền bóng điệu nghệ của Torres (http://video.zing.vn)

(7) Người lùn nhất thế giới có nguy cơ bị tước danh hiệu (http://giadinh.vnexpress.net)

(8) Kết quả là một chuyện, nhưng rõ ràng ĐT Việt Nam đang để lộ quá nhiều yếu điểm không dễ khắc phục trong thời gian ngắn (http://dantri.com.vn)

(9) Gặp mặt 26 tri thức trẻ làm phó chủ tịch các xã nghèo biên giới (http://dantri.com.vn)

(10) Trong ba ngày (từ 28-30/9), lượng mưa kéo dài đã gây ngập úng nhiều nơi thuộc thị xã Thuận An và TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương. (http://phunuonline.com.vn)

(11) Yêu trong niềm xót xa (Tên bài hát )

***Gợi ý làm bài***

(1), (2).Ở vào vị trí của từ “sáng lạng” (ví dụ 1) hay “sáng lạn” (ví dụ 2) chính xác phải là từ **xán lạn**. Vì chỉ có từ **xán lạn** mới có nghĩa còn hai từ trên đều vô nghĩa, đều không tồn tại trong từ vựng tiếng Việt. Theo cuốn Việt Nam tự điển của Hội Khai trí Tiến Đức khởi thảo xuất bản năm 1954, ở trang 647, từ **xán lạn** được giải thích là sáng láng, rực rỡ; Cuốn từ điển Tiếng Việt do Trung tâm Từ điển học và Nhà xuất bản Đà Nẵng xuất bản (Hoàng Phê chủ biên) cũng giải thích **xán lạn** là rực rỡ, chói lọi/tiền đồ xán lạn/tương lai xán lạn.

(3). Dùng sai từ **“bàng quan”** (Có nghĩa là: tự coi mình là người ngoài cuộc, coi là không dính líu đến mình, Từ điển tiếng Việt, tr.45) đáng lẽ phải được dùng ở đây thì lại bị thay bằng từ bàng quang (Có nghĩa là: bọng đái, Từ điển tiếng Việt, tr. 45)

(4). (Phải là cọ xát chứ không phải **cọ sát**)

(5). (Phải là giành giật chứ không phải **dành giật**)

(6). (Phải là chuyền bóng chứ không phải **truyền bóng**)

(7). Từ dùng sai là **tước**. Theo từ điển tiếng Việt, tước có nghĩa là dùng sức mạnh hay quyền lực lấy đi, không cho sử dụng (tr. 1381). Như vậy, trong câu trên, dùng từ tước là sai vì chúng ta có thể hiểu anh này đã được công nhận là lùn nhất thế giới nhưng ở thời điểm của bài viết, người ta tìm ra có người còn lùn hơn và sự ghi nhận về kỉ lục người lùn nhất thế giới được nhắc đến theo tên của người mới. Chắc chắn không có chuyện dùng sức mạnh hay quyền lực để lấy đi, không cho sử dụng ở đây nên không thể dùng từ tước.

(8)Từ **yếu điểm** đã bị dùng sai. Cần phải phân biệt rõ yếu điểm và điểm yếu:

- Yếu điểm: điểm quan trọng nhất, Từ điển Tiếng Việt, tr. 1490

- Điểm yếu: có mức độ, năng lực hoặc tác dụng ít, kém so với bình thường.

Như vậy, trong câu trên phải dùng là điểm yếu chứ không thể là yếu điểm.

(9), Từ **tri thức** dùng ở trong câu là không đúng mà ở vào vị trí của từ tri thức phải là **từ trí thức.** Theo Từ điển tiếng Việt:

- Tri thức (danh từ): những điều hiểu biết có hệ thống về sự vật, hiện tượng tự nhiên hoặc xã hội/ tri thức khoa học, kinh tế tri thức (tr. 1325).

- Trí thức (danh từ): Người chuyên làm việc lao động trí óc và có tri thức chuyên môn cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp của mình/ giới tri thức, một nhà trí thức yêu nước (tr. 1326).

(10) Sự kết hợp giữa **lượng mưa** với **kéo dài** là không phù hợp bởi khi đã tính đến lượng thì phải là nhiều/lớn hay ít chứ không thể kết hợp với kéo dài (biểu thị khoảng cách hoặc thời gian). Sự chênh nhau này dẫn đến sai logic trong việc kết hợp các từ/cụm từ trong câu.

(11) Sự kết hợp giữa từ **niềm** với tính ***từ xót xa*** là không phù hợp. Tiếng Việt có một “cơ chế” tạo danh từ bằng cách sử dụng từ nỗi hoặc từ niềm kết hợp với một tính từ để tạo thành một danh từ. Nhưng nếu niềm thường được kết hợp với các tính từ có sắc thái tích cực (niềm + vui/ niềm + hạnh phúc …) thì nỗi có xu hướng kết hợp với các tính từ có sắc thái không tích cực (nỗi + buồn/ nỗi + bất hạnh/ nỗi + đau xót…). Từ đó, có thể khẳng định, việc kết hợp niềm + xót xa là một kết hợp không phù hợp.

**Bài tập 3:**  Giải thích lí do sắp xếp trật tự từ trong những bộ phận câu và câu in đậm dưới đây:

a) Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào về những trang sử vẻ vang thời đại **Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,…** Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

(Hồ Chí Minh, Tinh thần yêu nước của nhân dân ta)

b)                                        **Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi!**

       Rừng cọ đồi chè, đồng xanh ngào ngạt

**Nắng chói sông Lô, hò ô tiếng hát**

        Chuyến phà dào dạt bến nước bình ca.

(Tố Hữu, Ta đi tới)

c) - Ấy cũng may cho cô, vơ vẩn mãi ở ngoài phố thế này mà gặp mật thám hay đội con gái thì khốn.

- **Mật thám tôi cũng chả sợ, đội con gái tôi cũng chả cần.**

(Nguyễn Công Hoan, Người ngựa, ngựa người)

d) Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng. Uể oải, chống tay xuống phản, anh vừa rên vừa ngỏng đầu lên. Run rẩy cất bát cháo, anh mới kề vào đến miệng, cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng.

**Gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái cũ:**

- Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu! Mau!

(Ngô Tất Tố, Tắt đèn)

***Gợi ý làm bài***

a) Trật tự từ được sắp xếp theo thứ tự xuất hiện của các vị anh hùng trong lịch sử (thứ tự thời gian).

b) - Cụm từ Đẹp vô cùng được đặt lên trước hô ngữ Tổ quốc ta ơi để nhằm nhấn mạnh cảm xúc tự hào trước sự rạng ngời, tươi đẹp của non sông sau ngày giải phóng.

- Trong khi đó, từ hò ô được đảo lên trước tiếng hát để hiệp vần với từ sông Lô trước đó nhằm tạo ra âm hưởng kéo dài, gợi ra sự mênh mông của sông nước. Đồng thời cũng giúp cho từ tiếng hát hiệp vần với câu thơ trước (ngào ngạt). Trật tự từ được sắp xếp như vậy là nhằm đảm bảo sự hài hoà về âm điệu cho thơ.

c) Cụm từ Mật thám và đội con gái được nhà văn Nguyễn Công Hoan xếp lên đầu hai vế của câu in đậm là để tương ứng với trình tự xuất hiện của những từ này ở câu trước.

d) Tác giả chọn trật từ từ như câu in đậm là để đảm bảo sự liên kết với các câu trước và sau câu đó. Đồng thời cách sắp xếp như vậy cũng có tác dụng nhấn mạnh sự hung hãn của nhân vật tên cai lệ.

**Bài tập 4:** Chỉ ra và sửa lại lỗi về trật tự từ trong các câu sau:

a. Giải vô địch bóng đá Đông Nam Á (AFF Cup) chỉ có duy nhất ở Việt Nam trên kênh VTC.

b. Tên trộm khai nhận đã thực hiện nhiều vụ trộm ở trụ sở công an.

c. *Nhà thơ đã mượn trí tưởng tượng của mình để tái hiện bằng ngôn từ một khung cảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống.*

d. Anh ấy đóng cửa lại, từ tốn nói lời chào tôi rồi đi vào nhà.

đ. Đây là bộ phim về ngày tận thế nổi tiếng của Mỹ.

e. Trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp kiên cường, nhân dân ta đã thể hiện một sức sống mãnh liệt.

f. *Một bộ phận độc giả đông đảo đã không cảm nhận được cái mới ngay trong thơ Hàn Mặc Tử.*

g. *Thơ Đường luật mặc dù chặt chẽ bố cục nhưng vẫn có những khoảng trống liên tưởng khơi gợi.*

***Gợi ý làm bài***

*a*. Lỗi: sắp xếp từ không phù hợp với yêu cầu diễn đạt, cụ thể sắp xếp vị trí trạng ngữ “ở Việt Nam” không phù hợp, gây hiểu lầm là Giải vô địch bóng đá Đông Nam Á (AFF Cup) chỉ tổ chức duy nhất ở Việt Nam.

Chữa lại: Ở Việt Nam, giải vô địch bóng đá Đông Nam Á (AFF Cup) chỉ có duy nhất trên kênh VTC.

b. Lỗi: sắp xếp từ không phù hợp với yêu cầu diễn đạt, cụ thể sắp xếp vị trí trạng ngữ “ở trụ sở công an” không phù hợp, gây hiểu lầm là tên trộm thực hiện nhiều vụ trộm ngay tại trụ sở công an.

Chữa lại: *Ở trụ sở công an, tên* trộm khai nhận đã thực hiện nhiều vụ trộm .

*c.* Lỗi: các từ trong câu văn được sắp xếp chưa hợp lý.

Chữa lại: *Bằng trí tưởng tượng của mình, nhà thơ đã mượn ngôn từ để tái hiện một khung cảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống.*

d. Lỗi sai: sắp xếp các hành động không theo một trình tự hợp lí.

Chữa lại: Anh ấy từ tốn nói lời chào tôi rồi đi vào nhà, đóng cửa lại.

đ. Lỗi sai: sắp xếp trật tự từ không hợp lí (cụm từ nổi tiếng của Mỹ đặt ở cuối câu bổ sung ý nghĩa cho ngày tận thế gây ra nhầm lẫn).

Chữa lại: Đây là bộ phim nổi tiếng của Mỹ về ngày tận thế.

e. Lỗi sai: Sắp xếp trật tự từ không hợp lí (kiên cường đặt sau thực dân Pháp gây hiểu nhầm là *kiên cường* bổ sung ý nghĩa cho *thực dân Pháp*).

Chữa lại: Trong cuộc đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp, nhân dân ta đã thể hiện một sức sống mãnh liệt.

f. Lỗi sai: sắp xếp các từ không phù hợp với quy tắc cấu tạo cụm từ khi từ “ngay”được đặt sau danh từ “cái mới”. Từ “ngay” là phó từ, dùng sau động từ để biểu thị mức độ nhanh chóng.

Chữa lại: *Một bộ phận độc giả đông đảo đã không cảm nhận được ngay cái mới trong thơ Hàn Mặc Tử.*

g. Lỗi: sắp xếp các từ không phù hợp với quy tắc cấu tạo câu.

Chữa lỗi: *Thơ Đường luật mặc dù có bố cục chặt chẽ nhưng vẫn có những khoảng trống liên tưởng khơi gợi.*

**Bài tập 5**: Vì sao các cụm từ in đậm dưới đây được đặt ở đầu câu?

a, Cùng lắm, nó có giở quẻ, hắn cũng chỉ đến đi ở tù. ***Ở tù*** thì hắn coi là thường.

(Nam Cao - *Chí Phèo*)

b, Nguyễn Tuân có một kho từ vựng hết sức phong phú mà ông đã cần cù tích lũy. ***Vốn từ vựng*** *ấy*, trước Cách mạng tháng Tám, ông thường dùng để chơi ngông với đời.

(Theo Nguyễn Đăng Mạnh, *Nhà văn Việt Nam hiện đại-chân dung và phong cách*)

c) **Một đêm khuya,** Mị nghe tiếng gõ vách [...]. Mị vừa bước ra, lập tức có mấy người choàng đến, nhét áo vào miệng Mị rồi bịt mắt cõng Mị đi.

***Sáng hôm sau***, Mị mới biết mình đang ngồi trong nhà thống lí Pá Tra...

(Tô Hoài - Vợ chồng A Phủ)

**Gợi ý làm bài**

a, Cụm từ ***Ở tù*** được lặp lại ngay ở đầu câu thứ hai để liên kết ý nghĩa giữa câu đó với câu một được chặt chẽ hơn .

b, Cụm từ ***Vốn từ vựng ấy***được lặp lại ở đầu câu hai để liên kết ý nghĩa của câu ấy với câu thứ nhất thêm chặt chẽ.

c, Trong đoạn văn này, trạng ngữ chỉ thời gian (***Một đêm khuya***) được đặt ở đầu câu vì nó phải đảm nhận chức năng nêu hoàn cảnh thời gian cho các sự kiện xảy ra sau đó (Mị bị bắt rồi bị đưa đi). Trong khi đó, ở câu tiếp theo, phần trạng ngữ chỉ thời gian (***Sáng hôm sau***) vừa có tác dụng như trạng ngữ ở câu trên lại vừa có tác dụng liên kết câu. Người ta không thể đặt nó ở cuối câu hay giữa câu, vì như thế câu văn sẽ mất sự liên kết và các sự kiện được kể không liền mạch.

**Bài tập 6:** Chỉ ra và phân tích tác dụng của hiện tượng đảo trật tự từ trong các câu sau:

*a)*

*Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều*

*Bóng dài lên đỉnh dốc cheo leo*

*Núi không đè nổi vai vươn tới*

*Lá ngụy trang reo với gió đèo...*

*(*Tố Hữu*)*

*b)*

*Đã tan tác những bóng thù hắc ám*

*Đã sáng lại trời thu tháng Tám*

*Trên đường ta về lại Thủ đô*

*Cờ đỏ bay quanh tóc bạc Bác Hồ!*

(Tố Hữu)

b)

*Trong xanh ánh mắt*

*Trong vắt nhãn lồng*

*Chim ăn nhãn ngọt*

*Bồi hồi nhớ ông*!

(Trần Kim Dũng)

c)

*Mỗi mùa xuân thơm lừng hoa bưởi*

*Rắc trắng vườn nhà những cánh hoa vương*

…

*Đẹp lắm anh ơi! Con sông Ngàn Phố!*

*Sáng cả đôi bờ hoa bưởi trắng phau!*

(Tô Hùng)

***Gợi ý làm bài***

a,Phép đảo trật tự từ***:*** *Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều*

Tác dụng: nhằm nhấn mạnh vẻ đẹp của anh Vệ quốc quân ngoài mặt trận (Tây Bắc).

b, Phép đảo trật tự từ***:*** *Trong xanh ánh mắt* - *Trong vắt nhãn lồng*

Tác dụng: nhằm nhấn mạnh vẻ đẹp trong trẻo của kí ức tuổi thơ.

c, Phép đảo trật tự từ***:*** *Rắc trắng vườn nhà những cánh hoa vương*

Tác dụng: nhằm nhấn mạnh sắc trắng tinh khôi, đẹp đẽ, bạt ngàn của hoa bưởi rụng nơi vườn nhà mỗi mùa xuân.

**Bài tập 7:** Dùng biện pháp đảo ngữ để diễn đạt lại những câu văn dưới đây cho sinh động, gợi cảm.

a) Nước sông Hương xanh biêng biếc, màu hoa phượng vĩ đỏ rực hai bên bờ.

b) Giữa trời khuya tĩnh mịch, một vầng trăng vằng vặc trên sông, một giọng hò mái đẩy thiết tha dịu dàng.

c) Một biển lúa vàng vây quanh em, hương lúa chín thoang thoảng đâu đây.

d) Xa xa, những ngọn núi nhấp nhô, mấy ngôi nhà thấp thoáng, vài cánh chim chiều bay lững thững về tô.

***Gợi ý làm bài***

a) *Xanh biêng biếc* nước sông Hương, *đỏ rực hai bên bờ* màu hoa phượng vĩ.

b) Giữa trời khuya tĩnh mịch, *vằng vặc trên sông* một vầng trăng, *thiết tha dịu dàng* một giọng hò mái đẩy.

*c) Vây quanh em* một biển lúa vàng, *thoang thoảng đâu đây*hương lúa chín.

d) Xa xa, *nhấp nhô* những ngọn núi, *thấp thoáng* mấy ngôi nhà, *lững thững* vài cánh chim chiều bay về tổ.

**Bài tập 8:**

* Đọc lại các đoạn văn, các bài làm văn của anh (chị) đã viết trong các tiết ôn tập trước, hãy phân tích và sửa chữa các lỗi về trật tự từ (nếu có).
* Sưu tầm các trường hợp vi phạm lỗi dùng từ hoặc trật tự từ trong một số văn bản báo chí. Phân tích lỗi sai và đưa ra phương án sửa chữa.

**III. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY:**

- Về nội dung:....................................................................................................................

- Về phương pháp:.............................................................................................................

- Về thời gian:....................................................................................................................

- Về HS:............................................................................................................................

*Lang Chánh, ngày tháng năm 2022*

**TTCM THÔNG QUA**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phạm Thị Nghị**

**NGƯỜI SOẠN BÀI**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Đinh Thị Linh**

**DUYỆT CỦA BGH**

(Ký tên và đóng dấu)

**Tiết 23-24:**

**VIẾT:**

**ÔN TẬP CÁCH VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM THƠ**

**I**. **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1. Tìm hiểu những đặc điểm của BVNL phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ**

- Bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ không phải là một bài phát biểu cảm nhận đơn thuần.

- Kiểu bài viết này đòi hỏi sự chặt chẽ trong lập luận, sự sáng rõ, sắc nét của luận điểm và sự mạch lạc trong tổ chức bài viết.

- Bởi vậy, người viết cần nắm chắc các tri thức về đặc trưng thi ca đã được giới thiệu trong các bài học và được làm rõ qua các tiết đọc văn bản để có những phân tích, đánh giá thuyết phục. Mặt khác, kiểu bài này cũng vẫn khuyến khích người viết thể hiện những rung cảm và tưởng tượng của mình khi chiếm lĩnh bài thơ.

**2. Các yếu tố chủ yếu của một bài thơ gồm:**

+ Mạch cảm xúc của thi nhân được gửi qua những rung động và tình cảm của nhân vật trữ tình.

+ Các yếu tố về hình thức nghệ thuật: Từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,…

**3. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ**

- Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ để phân tích, đánh giá).

 - Chỉ ra và phân tích được những nét đặc sắc, độc đáo của bài thơ (từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,…)

 - Đánh giá giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh.

**4. Dàn ý chung của bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ**

**\* Mở bài:** Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, thời điểm ra đời, nơi xuất bản, đánh giá chung của dư luận,…) và nêu vấn đề chính sẽ được tập trung phân tích trong bài viết.

**\* Thân bài (cần triển khai các ý):**

- Phân tích, đánh giá mạch ý tưởng, cảm xúc của nhân vật trữ tình (nhân vật trữ tình muốn biểu đạt điều gì, thông qua hình tượng nào, với cái nhìn và thái độ ra sao,…).

- Phân tích, đánh giá sự phát triển của hình tượng chính (qua các khổ, đoạn trong bài) và tính độc đáo của những phương tiện ngôn từ đã được sử dụng (từ ngữ, cách gieo vần, ngắt nhịp, các biện pháp tu từ,…).

- Phân tích, đánh giá nét hấp dẫn riêng của bài thơ so với những sáng tác khác cùng đề tài, chủ để, thể loại (của chính nhà thơ hoặc của những tác giả khác).

**\* Kết bài:** Khẳng định giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mĩ của bài thơ, ý nghĩa của bài thơ đối với người viết bài nghị luận.

**II.** **THỰC HÀNH VIẾT**

**GV ra đề, hướng dẫn HS lập dàn ý cho mỗi đề:**

(GV có thể giao lập dàn ý theo nhóm, mỗi nhóm làm 01 đề và cử đại diện trình bày)

**Đề 01:** Phân tích bài thơ *Hoàng Hạc lâu* của Thôi Hiệu

**Đề 02**: Phân tích bài thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu

**Gợi ý:**

**Đề 01:** **Phân tích bài thơ *Hoàng Hạc lâu* của Thôi Hiệu**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu khái quát về tác giả Thôi Hiệu: là một nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc.

- Giới thiệu chung về *Hoàng Hạc lâu* là một bài thơ tuyệt tác của Đường thi, chỉ với tác phẩm này, Thôi Hiệu đã trở thành cái tên lưu danh thiên cổ.

**2. Thân bài**

***a. Bốn câu thơ đầu***

- Chim hạc vàng (linh thiêng, cao quý): cõi tiên, huyền ảo (bay mất)

- Lầu Hoàng Hạc: cõi trần (còn lại)

*Tích nhân dĩ thừa Hoàng Hạc khứ*

*Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu.*

- Ở cặp câu này có sự đối nhau rất chỉnh, đó là:

+ Đối lập giữa quá khứ với hiện tại (tích nhân – thử địa, hoàng hạc khứ - Hoàng Hạc lâu).

+ Đối lập xưa và nay

+ Đối lập còn và mất

+ Đối lập giữa thực và hư

+ Đối thanh

=> Với sự đối ngẫu trong một “liên” này, câu thơ đã truyền tải được tâm trạng của nhân vật trữ tình, đó là sự hẫng hụt – nuối tiếc. Nuối tiếc một điều quý giá đã qua và không bao giờ trở lại nữa.

*Hoàng Hạc nhất khứ bất phục phản*

*Bạch vân thiên tải không du du*

- Vẫn nói chuyện hạc vàng bay đi không trở lại nhưng ở đây không chỉ có sự đối lập giữa cõi tiên và cõi tục. Hạc vàng đã bay về cõi tiên nên nơi đây, dưới còn trơ lại lầu Hoàng Hạc, trên trời mây trắng bay chơi vơi, dường như còn mong nhớ tiếc nuối điều gì đó.

**=> 4 câu thơ đầu tập trung tả cảnh và giải thích lầu Hoàng Hạc. Bàn chuyện xưa và nay để thể hiện suy nghĩ mang tính triết lí nhân sinh sâu sắc, triết lí về sự còn – mất, về sự vô hạn và hữu hạn của trời đất và nhân sinh.**

- Nghệ thuật:

+ Trong 3 câu thơ đầu, tác giả lặp đi lặp lại tới 3 từ *Hoàng hạc*

=> Hạc vàng là biểu tượng cho những điều quý giá và đẹp đẽ nhưng không trở lại nữa. Việc nhắc lại nhiều lần như vậy làm nổi bật tâm trạng của con người đối với những điều quý giá đã qua.

+ Câu thơ thứ 4 sử dụng tới 5/7 thanh bằng đã gợi tả rất thành công cảm giác hẫng hụt và tiếc nuối; thể hiện vẻ ngưng trệ như không muốn trôi đi của những đám mây.

***b. Bốn câu cuối***

*Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ*

*Phương thảo thê thê Anh Vũ châu*

- Không gian đẹp:

+ Ánh nắng soi xuống dòng sông.

+ Hàng cây tươi tốt.

+ Màu xanh tươi của cỏ cây mùa xuân.

(bức họa lầu Hoàng Hạc soi bóng dòng Trường Giang)

- 2 câu luận nhưng lại tả thực và có sự đối ngẫu:

+ Câu thơ mở ra một không gian rộng và sáng trong. Một cảnh cõi trần thật đẹp, có ánh nắng soi xuống dòng sông như một tấm gương khổng lồ với hàng cây tươi tốt soi bóng.

+ Giữa mặt sông sáng trong ấy là màu xanh tươi mơn mởn của cỏ cây mùa xuân.

=> Sau những phút giây đắm chìm cùng huyền thoại, nhân vật trữ tình lại trở về với hiện thực. Một bức họa thật đẹp được dựng lên: bức họa về một lầu Hoàng Hạc soi bóng dòng Trường Giang và cùng với hình ảnh của cây cối, của cỏ xanh.

*Nhật mộ hương quan hà xứ thị?*

*Yên ba giang thượng sử nhân sầu.*

- 2 câu kết tạo ra sự đối lập với 2 câu luận:

+ Đối lập giữa không gian thực – không gian tâm tưởng.

+ Có sự chuyển động về thời gian, từ khi ánh nắng còn chan hòa đã chuyển sang buổi hoàng hôn mờ khói.

=> Trong thơ ca cổ, các nhà thơ Đường có thói quen sử dụng các hình ảnh ước lệ, tượng trưng, nhất là hay dùng thiên nhiên để gợi tả tâm trạng mà “hoàng hôn nhớ nhà” là một tứ thơ quen thuộc của Đường thi.

- Ngoài nỗi nhớ quê hương, nếu nối với mạch cảm xúc toàn bài thơ có thể hiểu thêm rằng "hương quan hà xứ thị" không chỉ là câu hỏi quê hương ở nơi nào mà còn có thể hiểu rộng là: Nơi nào để dừng chân? Nơi nào là nơi có thể là bình yên để sống? => Đây là vấn đề có ý nghĩa triết lí.

**=> *4 câu thơ cuối cùng với ba mảng cảm xúc dồn nén (cõi tiên, cảnh thực và nỗi sầu nhớ), bài thơ nói về một di tích xưa mà vẫn gắn bó với cuộc đời, con người, khơi lên những tình cảm nhân bản đẹp đẽ, hàm chứa quan niệm nhân sinh tích cực, tiến bộ.***

**3. Kết bài:**

Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật: Với những phá cách độc đáo và thủ pháp đối lập được sử dụng hiệu quả, bài thơ miêu tả lầu Hoàng Hạc nhưng lại thể hiện được sâu sắc nỗi hoài vọng về thời xa xưa cùng nỗi nhớ quê hương của nhà thơ

**Đề 02**: **Phân tích bài thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu**

**Gợi ý:**

**1. Mở bài**

- Rút trong tập *Thơ thơ*, tập thơ đầu của Xuân Diệu, xuất bản năm 1938.

- Tuổi trẻ rất đẹp, rất đáng yêu. Một đời người chỉ có một lần tuổi trẻ. Phải biết quý trọng và sống hết mình với tuổi trẻ và thời gian.

**2. Thân bài**

***\* Bố cục của bài thơ***

Bài thơ có thể chia làm ba đoạn:

- Đoạn 1 (13 câu đầu): Tình yêu cuộc sống thiết tha và say đắm của tác giả.

- Đoạn 2 (câu 14 đến câu 30): Tâm trạng băn khoăn của tác giả về tuổi trẻ của đời người trước sự qua đi nhanh chóng của thời gian.

- Đoạn 3 (9 câu cuối): Tâm trạng vội vàng, thái độ sống gấp gáp của tác giả, đồng thời là tuyên ngôn về lẽ sống của Xuân Diệu.

=> Bố cục của bài thơ khá rõ ràng, thể hiện mạch lí luận sâu sắc và chặt chẽ. Đó là mạch cảm xúc hối hả, vội vàng trước sự qua đi nhanh chóng của thời gian.

***\* Cảm nhận về thời gian của Xuân Diệu trong bài thơ***

- Cảm nhận về thời gian của Xuân Diệu gắn liền với mùa xuân của thiên nhiên và tuổi trẻ của con người. Đó là cảm nhận của một con người yêu cuộc sống say đắm, thiết tha đến mức phải vội vàng.

- Thời gian và mùa xuân

+ Cảm nhận về thời gian của Xuân Diệu hết sức tinh tế và đầy triết lí nhân sinh. Xuân Diệu viết bài thơ này khi còn rất trẻ, đó là cái tuổi của sự sống mơn mởn, của việc hưởng thụ sự sống, ít ai có thể nghĩ đến một triết lí sâu xa như Xuân Diệu.

+ Đối với Xuân Diệu, mỗi khắc thời gian trôi qua chính là niềm lo sợ, canh cánh trong lòng.

+ Tác giả sử dụng cú pháp đối lập để diễn tả sự trôi đi của thời gian và tuổi trẻ: *đương tới / đương qua; còn non / sẽ già*.

=> Sự cảm nhận về thời gian đó đã giúp tác giả rút ra kết luận về sự đồng nhất giữa mùa xuân và tuổi trẻ của chính mình cũng như của tất cả mọi người:

*Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.*

+ Mùa xuân trôi đi thì tuổi trẻ cũng phai tàn, và khi xuân không còn thì đời người cũng hết.

+ Cảm nhận về sự tàn phai của thời gian đã được Xuân Diệu khái quát thành một triết lí nhân sinh.

→ Chắc hẳn phải là người có ham muốn sống tột bậc mới có thể cảm nhận về thời gian một cách cao sâu như vậy.

=> Hẳn là trong Xuân Diệu đã chứa chất bi kịch của nhà thơ lãng mạn trong thân phận một thi nhân mất nước lúc bấy giờ, cũng có thể Xuân Diệu quá yêu cuộc sống nồng nhiệt đến mức sợ thời gian cướp mất tuổi xuân của mình. Có thể gỉải thích bằng nhiều cách khác nhau, tuy nhiên, một điều dễ nhận thấy là cảm nhận về thời gian của Xuân Diệu bắt nguồn từ chính lòng yêu đời, yêu cuộc sống của sống.

- Thời gian và tuổi trẻ

+ Mùa xuân chính là tuổi trẻ của đời người, của tác giả.

+ Thời gian làm mùa xuân trôi qua cũng chính là cướp đi tuổi trẻ của tác giả. Đó chính là sự lo lắng và xót xa của con người vốn rất yêu cuộc sống, yêu cái tuổi trẻ đầy sức sống của mình.

+ Tâm trạng lo lắng đó đã được tác giả bộc bạch trong những câu thơ đầy triết lí:

*Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,*

*Không cho dài thời trẻ của nhân gian,*

*Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,*

*Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại!*

+ Câu thơ tưởng chừng là lời than vãn nhưng hiện lên trong đó là một quan niệm sâu sắc: cuộc đời làm sao có hai lần tuổi trẻ, và khi thời gian trôi qua thì tuổi trẻ có còn? Một sự so sánh không hề khập khiễng để thấy rằng cuộc đời con người luôn có giới hạn và nhất là cái tuổi trẻ thật đẹp nếu so với mùa xuân của trời đất.

+ Với Xuân Diệu, tuổi trẻ là cái quý nhất của cuộc đời con người, đó là khoảng thời gian đẹp nhất và hạnh phúc nhất. Chính vì vậy tuổi trẻ trôi qua là điều nhà thơ lo lắng nhất và tiếc nuối nhất: *Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời.*

=> Cảm nhận về thời gian của tác giả làm hiện lên niềm khát khao sống, khát khao hạnh phúc của một con người vốn có nhiều khát khao. Niềm khát khao ấy thể hiện qua ước muốn níu kéo thời gian để giữ mãi tuổi thanh xuân, giữ mãi mùa xuân của đời người, để con người mãi sống trong tuổi trẻ, trong mùa xuân của cuộc đời.

***\* Cảm nhận của tác giả về thiên nhiên và sự sống trong bài thơ***

- Nhà thơ giãi bày cái ước muốn tưởng như ngông cuồng của mình bằng một bức tranh tràn đầy sức sống, ngồn ngộn sắc xuân, hương xuân và tình xuân.

- Bức tranh thiên nhiên có đủ ong, bướm, hoa lá, yến anh và cả ánh bình minh rực rỡ, tất cả đang ở thời kì sung mãn nhất, sức sống căng đầy nhất.

+ Tuần tháng mật của ong bướm

+ Hoa của đồng nội xanh rì

+ Lá của cành tơ phơ phất

+ Khúc tình si của yến anh

+ hHàng mi chớp ánh bình minh của mặt trời...

→ Tất cả hiện hữu có đôi lứa có tình như mời, như gọi, như xoắn xuýt.

- Thi sĩ lãng mạn đã đón chào và chiêm ngưỡng cuộc sống, thiên nhiên bằng cặp mắt xanh non của tuổi trẻ. Cái nhìn vừa ngỡ ngàng, vừa đắm say ngây ngất.

- Điệp khúc *này đây* cùng với các liệt kê theo chiều tăng tiến, cách dùng từ láy, từ ghép và những cụm từ tuần tháng mật, khúc tình si hòa vào nhịp thơ gấp gáp, khẩn trương vừa diễn tả cảm giác sung sướng, ngây ngất, vừa có nhịp thơ gấp gáp, vừa có gì như là sự hối thúc, giục giã, khiến cho ai đó dù vô tình cũng không thể làm thơ, không thể quay lưng.

- Cuộc sống là thiên đường trên mặt đất, hãy tận hưởng và tận hưởng. Đó là lời tác giả muốn nhấn mạnh khi khắc họa bức tranh thiên nhiên trong bài thơ.

- Nhà thơ như say khi thốt lên:

*Tháng giêng ngon như một cặp môi gần.*

+ Câu thơ có ý nghĩa bao quát cả đoạn và lối diễn độc đáo mới lạ.

+ Với Xuân Diệu, cuộc đời đẹp nhất là tuổi trẻ, cũng như một năm đẹp nhất là mùa xuân và mùa xuân đẹp nhất là tháng giêng. Cái đẹp nằm ở sự bắt đầu, tinh khôi, mới mẻ, hồng hào, mơn mởn...

+ Xuân Diệu đã vật chất hóa một khái niệm thời gian bằng cặp môi gần, truyền cảm giác cho người đọc bằng các từ *ngon, gần*.

=> Câu thơ của Xuân Diệu không chỉ gợi hình thể mà còn gợi cả hương thơm và vị ngọt khiến người ta đắm say, ngây ngất.

***\* Quan niệm sống mới mẻ***

- Yêu cuộc sống trần thế xung quanh và tìm thấy trong đó biết bao điều hấp dẫn, đáng sống, biết tận hưởng những gì mà cuộc sống ban tặng.

- Từ đó, càng thêm yêu mùa xuân và tuổi trẻ, những gì đẹp nhất của cuộc sống con người.

→ Đó là quan niệm sống rất người, mang ý nghĩa tích cực và có giá trị nhân văn sâu sắc.

**\* Đặc sắc nghệ thuật**

- Hình ảnh tươi mới, đầy sức sống như sự sống mơn mởn; mây đưa và gió lượn; cánh bướm với tình yêu, cái hôn nhiều; non, nước, cỏ cây; mùi thơm, ánh sáng, hương sắc: xuân nồng.

- Ngôn từ với những động từ mạnh và tăng tiến như ôm, riết, say, thâu, chếnh choáng, đã đầy, no nê, cắn.

- Nhịp điệu dồn dập, hối hả, sôi nổi và cuồng nhiệt được tạo nên bởi những câu thơ dài ngắn xen kẽ.

**3. Kết bài**

- Khái quát lại giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ

- Nêu cảm nhận của bản thân về bài thơ

***Ví dụ*:** Sống vội vàng không có nghĩa là sống gấp, ích kỉ trong hưởng thụ. *Vội vàng* thể hiện một tâm hồn yêu đời, yêu sống đến cuồng nhiệt. Biết quý trọng thời gian, biết quý trọng tuổi trẻ, biết sống cũng là để yêu; tình yêu lứa đôi, tình yêu tạo vật. Bài thơ *Vội vàng* cho thấy một cảm quan nghệ thuật rất đẹp, rất nhân văn, một giọng thơ sôi nổi, dâng trào và lôi cuốn, hấp dẫn thông qua cách dùng từ rất bạo, cách cấu trúc câu thơ, đoạn thơ rất tài hoa. *Vội vàng* tiêu biểu nhất cho Thơ mới, thơ lãng mạn 1932 - 1941.

**III. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY:**

- Về nội dung:....................................................................................................................

- Về phương pháp:.............................................................................................................

- Về thời gian:....................................................................................................................

- Về HS:............................................................................................................................

*Lang Chánh, ngày tháng năm 2022*

**TTCM THÔNG QUA**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phạm Thị Nghị**

**NGƯỜI SOẠN BÀI**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Đinh Thị Linh**

**DUYỆT CỦA BGH**

(Ký tên và đóng dấu)

**Tiết 28-30:**

**LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**2. Năng lực:**

+ *Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+ *Năng lực chuyên biệt*: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để tạo lập văn bản phân tích, đánh giá

**3. Phẩm chất:**

**-** Cảm phục và trân trọng những con người anh hùng, những giá trị nhân văn cao đẹp.

- Tôn trọng và có ý thức tìm hiểu các nền văn học, văn hoá trên thế giới.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**II. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**:

- Tham khảo SGV, SGK Ngữ văn 10 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 1.

- Tài liệu ôn tập bài học.

**2. Thiết bị và phương tiện:**

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học.

- Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh.

- Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi

**III. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC**

- **Phương pháp**: Thảo luận nhóm, động não, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

- **Kĩ thuật**: Sơ đồ tư duy, phòng tranh, chia nhóm, đặt câu hỏi, khăn trải bàn,...

**IV.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Cách 1: Đề tự luận 100%**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |  |
| ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Số***  ***câu hỏi*** | ***Thời gian (phút)*** |
| **1** | Đọc hiểu | 15 | 5 | 15 | 5 | 10 | 10 | 0 | 0 | 06 | 20 | 40 |
| **2** | Làm văn | 25 | 10 | 15 | 10 | 10 | 20 | 10 | 30 | 01 | 70 | 60 |
| **Tổng** | | **40** | **15** | **30** | **15** | **20** | **30** | **10** | **30** | **07** | **90** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu thơ  (Ngoài SGK) | **Nhận biết:**  - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể thơ của đoạn/ bài thơ.  - Nhận diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong đoạn/ bài thơ.  - Nhận diện được cảm xúc của nhân vật trữ tình trong đoạn/ bài thơ  **Thông hiểu:**  - Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; hiểu những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của đoạn/ bài thơ.  **Vận dụng:**  - Nhận xét về nội dung của đoạn/ bài thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong đoạn/ bài thơ. | 3 | 2 | 1 | 0 | 6 |
| **2** | **LÀM VĂN** | Nghị luận về một bài thơ | **Nhận biết**:  - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận.  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận.  - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ Đường luật.  **Thông hiểu**:  - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - Lí giải được một số đặc điểm tâm trạng của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ.  **Vận dụng**:  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, làm rõ vấn đề nghị luận.  - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ, đóng góp của tác giả đối với văn học trung đại.  **Vận dụng cao**:  - So sánh với tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  |  | 1 |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  | **7** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40** | **30** | **20** | **10** |  |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70** | | **30** | |  |

**ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

**Đọc đoạn thơ sau:**

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,*

*Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.*

*Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;*

*Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

*Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;*

*Mênh mông không một chuyến đò ngang.*

*Không cầu gợi chút niềm thân mật,*

*Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng*

(Trích *Tràng giang*, Huy Cận, *Ngữ văn 11*, Tập hai, NXB Giáo dục, 2007, tr.29)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1**. Xác định xúc cảm của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ trên

**Câu 2**. Hai chữ *đìu hiu* trong đoạn trích được Huy Cận học tập từ câu thơ nào trong *Chinh phụ ngâm* (nguyên tác Đặng Trần Côn, diễn Nôm Đoàn Thị Điểm)? Cặp từ láy *lơ thơ, đìu hiu* cho chúng ta hiểu gì về cảnh sắc “Tràng giang”?

**Câu 3**. Nêu cảm nhận về âm thanh được gợi lên trong bức tranh sông nước mênh mang.

**Câu 4**. Chỉ ra hiệu quả của nghệ thuật đối trong hai câu thơ:

“*Nắng xuống, trời lên sâu chót vót*

*Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.”*

Cách diễn đạt *sâu chót vót* có gì đặc biệt?

**Câu 5**. Đưa vào lời thơ những thi liệu cổ điển nhưng cách viết của Huy Cận mới mẻ ở chỗ nào?

**Câu 6**. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 7 – 10 dòng) trả lời câu hỏi: Có nên sống chậm?

**PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận trình bày cảm nhận về giá trị nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường luật đã để lại cho anh/ chị ấn tượng sâu sắc.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4,0** |
|  | **1** | Xúc cảm của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ trên: Sầu buồn man mác giữa khung cảnh cồn bến hoang vắng trong nắng chiều.  ***Hướng dẫn chấm***: Trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm | 0,5 |
| **2** | - Hai chữ *đìu hiu* trong đoạn trích được Huy Cận học tập từ câu thơ trong *Chinh phụ ngâm* (nguyên tác Đặng Trần Côn, diễn Nôm Đoàn Thị Điểm):  *Non Kì quạnh quẽ trăng treo*  *Bến Phì gió thổi đìu hiu mấy gò.*  - Cặp từ láy *lơ thơ, đìu hiu* cho chúng ta hiểu về cảnh sắc “tràng giang”:  + Từ láy *lơ thơ* gợi sự thưa thớt, rời rạc, vắng vẻ của không gian cảnh vật bên dòng tràng giang.  + Từ láy *đìu hiu* gợi nỗi buồn, hiu hắt, có phần thê lương của cảnh vật. Dường như nỗi buồn, nỗi hiu hắt từ trong lòng người tỏa ra và lan thấm vào cảnh vật.  ***Hướng dẫn chấm***: Mỗi ý 0,25 điểm | 0,5 |
| **3** | - Âm thanh được gợi lên trong bức tranh sông nước mênh mang được tác giả nhắc đến là tiếng họp chợ của một làng chài ở phía xa. Âm thanh ấy phát ra từ ngôi “chợ chiều” đã “vãn” mà làng lại xa nên không đủ sức làm cho cảnh vật sinh động, có hồn.  - Chỉ một câu thơ mà mang nhiều sắc thái gợi lên âm thanh xa xôi, không rõ rệt: "*Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều*"  + “*Đâu tiếng làng xa*” có thể là câu hỏi "đâu" như một nỗi niềm khao khát, mong mỏi của nhà thơ về một chút sự hoạt động, âm thanh sự sống của con người.  + Cũng có thể là "đâu có", một sự phủ định hoàn toàn, vì chung quanh đây chẳng hề có chút gì sống động để xua bớt cái tịch liêu của thiên nhiên. Tất cả vẫn chỉ là sự im lặng bao trùm lên dòng chảy tràng giang.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời như Đáp án: 0,5 điểm*  *- Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng 0,25 điểm* | 0,5 |
| **4** | - Hai câu thơ sử dụng tài tình nghệ thuật đối: có đối trong phạm vi câu (*nắng xuống / trời lên, sông dài / trời rộng*), đối giữa các câu (*nắng xuống trời lên / sông dài trời rộng; sâu chót vót / bến cô liêu*). Phép đối khiến lời thơ nhịp nhàng, uyển chuyển, đồng thời dựng lên không gian đa diện, nhiều chiều: chiều cao (*nắng xuống trời lên*), chiều rộng (*sông dài trời rộng*), chiều sâu (*sâu chót vót*).  - *Chót vót* là từ láy vốn chỉ được sử dụng để diễn tả độ cao, trong câu thơ của Huy Cận, nó lại đi với chiều sâu. Cảm giác *sâu chót vót* là có thật bởi tác giả nhìn dòng sông và thấy bầu trời dưới đáy sông sâu. Đó chính là sự rợn ngợp trong tâm hồn của thi nhân trước cái vô cùng của vũ trụ.  =>Cách sử dụng từ hết sức mới lạ bởi tác giả đã lồng chiều cao vào chiều sâu; ông đang ngắm cảnh bầu trời cao “chót vót” dưới mặt nước “sâu” thăm thẳm. Không gian càng rộng, hình ảnh con người lại càng nhỏ bé, cô độc, lẻ loi đến tội nghiệp.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời như Đáp án: 0 ,75 điểm*  *- Trả lời được 1 ý trong Đáp án: 0,5 điểm*  **-** *Trả lời được 1 phần của ý 1 hoặc ý 2 trong Đáp án: 0,25 điểm* | 0,75 |
| **5** | Đưa vào lời thơ những thi liệu cổ điển nhưng cách viết của Huy Cận rất mới mẻ:  - Trong văn chương cổ điển, hình ảnh cánh bèo trên mặt nước gợi sự trôi nổi vô định, nhắc nhớ đến thân phận trôi dạt nhỏ bé của kiếp phù sinh (bèo dạt mây trôi). Trong thơ Huy Cận, không đơn lẻ một cánh bèo trôi mà là cả đám bèo đông đúc nổi nênh trên mặt nước. Nhưng đông đúc mà chẳng hề tấp nập bởi đám bèo cứ lặng lẽ hàng nối hàng trôi dạt, không biết về đâu.  - Thơ xưa mượn hình ảnh cầu và đò để nối liền những không gian xa cách, để xóa đi những khoảng trời li biệt. Huy Cận cũng gọi đò, gọi cầu (gọi sự sống con người) về thơ mình nhưng càng gọi càng vắng bóng (không một chuyến đò ngang, không cầu gợi chút niềm thân mật) nên chỉ thấy nỗi cô đơn, vắng lặng, li cách, chia lìa mênh mông khắp không gian.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời được 2 ý như đáp án: 0,75 điểm.*  *- Trả lời được 1 ý như đáp án: 0,5 điểm* | 0,75 |
|  | **6** | Hình thức: Đảm bảo hình thức đoạn văn, hành văn trong sáng.  Nội dung:trả lời cho câu hỏi có nên sống chậm?  – Nếu chọn nên sống chậm lại:  + Để cảm nhận những gì tốt đẹp của cuộc đời này.  + Để nghĩ về cuộc sống và những người xung quanh.  + Để lấy lại cân bằng trong cuộc sống.  + Con người hiện nay chỉ biết lao đầu kiếm tìm những thứ hão huyền như tiền bạc, danh lợi mà đánh mất đi nhiều thứ.  + Sống chậm ở đây không phải là cố níu giữ thời gian mà là để ta nhìn lại cuộc sống, nhìn lại chính mình.  + Biết nhìn nhận, đánh giá, biết lựa chọn những lối đi riêng. Ta không chỉ nghĩ cho bản thân mà còn phải nghĩ cho người khác, để thấu hiểu hơn con người họ, biết lắng nghe lòng mình hơn.  + Đó phải là những suy nghĩ đem lại lợi ích cho bản thân và những người xung quanh.  + Là biết nghĩ, biết quan tâm tới chính mình và người khác nhiều hơn. Trao yêu thương chân thành, thật lòng và ta sẽ cảm nhận được nhiều điều tốt đẹp đến từ cuộc sống.   * Nếu không chọn hoàn toàn mà cần biết cân bằng giữa cuộc sống vội vã của thời đại 4.0 với những giây phút lắng mình:   + Ta không thể thoát được nhịp chảy vội vã của thời đại  + Nhưng ta cũng không thể hững hờ với cuộc sống chứa nhiều bí ẩn,…  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Đảm bảo hình thức đoạn văn, đúng chủ đề:0,25 điểm.*  *- Đưa ra được 3- 5 ý nghĩa, lí giải thuyết phục: 0,75 điểm* | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **6,0** |
|  |  | **Viết bài văn trình bày cảm nhận về giá trị nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường để lại cho anh/ chị ấn tượng sâu sắc.** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,5 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Giá trị nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường luật. | 0,5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| **\* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận.**  ***Hướng dẫn chấm****: Phần giới thiệu tác giả, giới thiệu tác phẩm: 0,25 điểm; giới thiệu vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| **\*Cảm nhận bài thơ:** trích thơ rồi lần lượt cảm nhận những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, v.v…. trong từng câu thơ, giải mã đúng từ ngữ, hình ảnh đó để giúp người đọc cảm thấy được những cái hay, cái đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Cảm nhận đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm – 3,0 điểm.*  *- Cảm nhận đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc cảm nhận sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 1,5 điểm – 2,25 điểm.*  *- Cảm nhận chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,5 điểm – 1,25 điểm.* | 3,0 |
| **\*Nhận xét đánh giá bài thơ:**  + Đánh giá về nội dung, tư tưởng của bài thơ. (Nét đặc sắc về nội dung của bài thơ là gì? Thành công/hạn chế?)  + Đánh giá về nghệ thuật biểu hiện đặc sắc (Thành công/hạn chế?)  + Đánh giá về phong cách tác giả. (Qua bài thơ, em thấy tác giả là người như thế nào; có thể nói thêm những đặc điểm về phong cách nghệ thuật và đóng góp của nhà thơ trên văn đàn).  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,5 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm****: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình cảm nhận, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác, với thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

**Cách 2: Kết hợp tự luận và trắc nghiệm khách quan**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Đọc hiểu thơ (Ngoài SGK) | 3 | 0 | 4 | 1 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một bài thơ | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu thơ  (Ngoài SGK) | **Nhận biết:**  - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể thơ của bài thơ.  - Nhận diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; hiểu những đặc sắc về nội dung của bài thơ.  **Vận dụng:**  - Nhận xét về nội dung của bài thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ. | 3TN | 4TN  1TL | 2TL | 0 | 10 |
| **2** | **LÀM VĂN** | Nghị luận về một bài thơ (Phân tích, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ) | **Nhận biết**:  - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận.  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận.  - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ Đường luật.  **Thông hiểu**:  - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - Lí giải được một số đặc điểm tâm trạng của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ.  **Vận dụng**:  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, làm rõ vấn đề nghị luận.  - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ, đóng góp của tác giả đối với văn học trung đại.  **Vận dụng cao**:  - So sánh với tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* | 1 |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **4TN, 1TL** | **2 TL** | **1 TL** | **11** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** | ***100*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | | **100** |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

**ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

***CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ***

(Bà Huyện Thanh Quan)

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,  
Tiếng ốc xa đưa lẩn trống đồn.  
Gác mái, ngư ông(1) về viễn phố(2),  
Gõ sừng, mục tử(3) lại cô thôn(4).  
Ngàn mai(5) gió cuốn chim bay mỏi,  
Dặm liễu(6) sương sa khách bước dồn.  
Kẻ chốn trang đài(7) người lữ thứ(8),  
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn(9)?*

(Nguồn: Trần Trung Viên*, Văn đàn bảo giám*, NXB Văn học, 2004)

**Chú thích:**

1. *Ngư ông:* ông già câu cá/ đánh cá
2. *Viễn phố:* nơi bến xa
3. *Mục tử:* đứa trẻ chăn trâu
4. *Cô thôn*: xóm lẻ trơ trọi
5. *Ngàn mai*: rừng mai
6. *Dặm liễu*: đường đi có trồng liễu ở hai bên
7. *Trang đài*: chốn trang điểm của người phụ nữ; ở đây dùng để chỉ người ở nhà chờ đợi.
8. *Người lữ thứ*: người ở quán trọ, dùng để chỉ người đi xa, không ở nhà.
9. *Hàn ôn*: lạnh và ấm, chỉ việc hai người gặp nhau hỏi trời lạnh và ấm thế nào, thường dùng với nghĩa tâm sự, kể lể, hỏi han.

**Lựa chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi từ 1 đến 7:**

**Câu 1**. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Lục bát

D. Tự do

**Câu 2**. Bài thơ sử dụng các phương thức biểu đạt nào?

A. Biểu cảm kết hợp tự sự

B. Nghị luận kết hợp biểu cảm

C. Miêu tả kết hợp tự sự

D. Biểu cảm kết hợp miêu tả

**Câu 3**. Từ nào sau đây không phải là từ Hán Việt trong bài thơ?

A. *viễn phố*

B. *mục tử*

C. *ngư ông*

D. *ngàn mai*

**Câu 4.** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,  
Dặm liễu sương sa khách bước dồn*

A. Nhân hoá

B. Ẩn dụ

C. Đảo ngữ

D. Đối lập

**Câu 5.** Dòng nào sau đây **chưa đúng** khi nói cảnh vật được miêu tả trong bài thơ?

A. Cảnh vật được miêu tả vào buổi chiều muộn nơi thôn quê.

B. Khung cảnh đẹp nhưng đượm buồn, cô đơn.

C. Sử dụng các hình ảnh ước lệ, nhiều màu sắc

D. Cảnh vật mang hồn người, đậm đà bản sắc dân tộc.  
**Câu 6**: Dòng nào dưới đây nhận xét đúng về bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* (Bà HuyệnThanh Quan)?

A. Đây là bài thơ Đường luật viết bằng chữ Hán

B. Đây là bài thơ thất ngôn xen lục ngôn

C. Đây là bài thơ Đường luật tứ tuyệt viết bằng chữ Nôm.

D. Đây là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật viết bằng chữ Nôm

**Câu 7.** Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* là:

A. Kết cấu bài thơ phù hợp với tâm trạng chủ thể trữ tình.

B. Hình ảnh thơ gợi cảm, giàu màu sắc; nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

C. Lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ.

D. Ngôn ngữ thơ Nôm bình dị nhưng giàu sức biểu cảm, táo bạo, in đậm cá tính sáng tạo của nữ sĩ.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.** Nêu tác dụng của việc sử dụng các từ Hán Việt trong bài thơ.

**Câu 9.** Anh/chị có cảm nhận gì về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong hai câu thơ cuối?

*Kẻ chốn trang đàingười lữ thứ,  
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?*

**Câu 10**. Qua bài thơ, anh/chị hãy nêu suy nghĩ về ý nghĩa của việc gắn bó với quê hương. (Trả lời khoảng 7 – 10 dòng)

**PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận trình bày cảm nhận về giá trị nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường luật đã để lại cho anh/ chị ấn tượng sâu sắc.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1 - 7** | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | | **B** | **D** | **D** | **C** | **C** | **D** | **C** |   ***Hướng dẫn chấm****:* Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm. | 3.5 |
| **8** | Các từ Hán Việt tạo sắc thái tạo sắc thái trang trọng, tao nhã,  tinh tế, tạo ra sắc thái cổ, phù hợp với xã hội xưa.  ***Hướng dẫn chấm***:  - *Trả lời đầy đủ như đáp án: 0,5 điểm*  *- Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0,25 điểm*  *- Không trả lời: 0 điểm* | 0.5 |
| **9** | Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong hai câu cuối: Tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của người lữ khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm*  *- Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0,5 điểm*  *- Trả lời sơ sài: 0,25 điểm*  *- Không trả lời: 0 điểm* | 1.0 |
| **10** | - Đảm bảo hình thức đoạn văn, dung lượng  - Nội dung*:* ý nghĩa của việc gắn bó với quê hương  + Gắn bó với quê hương giúp hình thành sợi dây liên kết bền chặt giữa con người với quê hương.  + Gắn bó với quê hương giúp mỗi người có động lực sống và làm việc hết mình để xây dựng quê hương, trở thành niềm tự hào của quê hương.  + Tạo nên lối sống nghĩa tình, biết hướng về nguồn cội, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn mỗi người.  …  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm*  *- Học sinh trả lời đúng một ý: 0,5 điểm*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm*  ***\*Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.* | 1.0 |
|  |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4.0** |
|  |  | **Viết bài văn trình bày cảm nhận về giá trị nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường luật để lại cho anh/ chị ấn tượng sâu sắc.** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Giá trị nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường luật. | 0.25 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| \* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận.  ***Hướng dẫn chấm****: Phần giới thiệu tác giả, giới thiệu tác phẩm: 0,25 điểm; giới thiệu vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.* | 0.5 |
| ***\**** ***Cảm nhận bài thơ:*** trích thơ rồi lần lượt cảm nhận những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, v.v…. trong từng câu thơ, giải mã đúng từ ngữ, hình ảnh đó để giúp người đọc cảm thấy được những cái hay, cái đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Cảm nhận đầy đủ, sâu sắc: 1,25 điểm – 1,5 điểm.*  *- Cảm nhận đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc cảm nhận sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 0,75 điểm - 1,0 điểm.*  *- Cảm nhận chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm.* | 1.5 |
| ***\*Nhận xét đánh giá bài thơ:***  + Đánh giá về nội dung, tư tưởng của bài thơ. (Nét đặc sắc về nội dung của bài thơ là gì? Thành công/hạn chế?)  + Đánh giá về nghệ thuật biểu hiện đặc sắc (Thành công/hạn chế?)  + Đánh giá về phong cách tác giả. (Qua bài thơ, em thấy tác giả là người như thế nào?; có thể nói thêm những đặc điểm về phong cách nghệ thuật và đóng góp của nhà thơ trên văn đàn lúc bấy giờ). | 0.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0.5 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm****: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình cảm nhận, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác, với thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

**III. RÚT KINH NGHIỆM SAU TIẾT DẠY:**

- Về nội dung:....................................................................................................................

- Về phương pháp:.............................................................................................................

- Về thời gian:....................................................................................................................

- Về HS:............................................................................................................................

*Lang Chánh, ngày tháng năm 2022*

**DUYỆT CỦA BGH**

(Ký tên và đóng dấu)

**TTCM THÔNG QUA**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phạm Thị Nghị**

**NGƯỜI SOẠN BÀI**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Đinh Thị Linh**